

THIÊN THỨ NHẤT

BỆNH, MẠCH, CHỨNG, TRƯỚC SAU THEO TẠNG, PHỦ, KINH, LẠC.

ĐIỀU 1

Hỏi : Bậc thượng công trị lúc chưa bệnh là thế nào ?

Thầy đáp : Trị lúc chưa bệnh, là thấy Can bệnh biết sẽ truyền Tỳ, trước nên thực Tỳ (làm cho Tỳ mạnh). Bốn tháng cuối mùa, Tỳ vượng không thọ tà, không nên bổ Tỳ. Hạng trung công không hiểu lẽ tương truyền (các tạng, phủ truyền cho nhau theo quy luật Ngũ hành sinh, khắc, chế, hóa), thấy bệnh ở Can không biết rằng Tỳ bị thực, chỉ lo trị ở Can. Can bệnh, nếu bổ dùng vị chua, muốn hỗ trợ thì dùng vị khét đắng; Muốn bổ ích cho nó thì dùng vị ngọt. Vị chua vào Can, khét đắng vào Tâm, ngọt vào Tỳ. Tỳ thường ức chế Thận (Thổ khắc Thủy), Thận khí yếu thì thủy không hành, thủy không hành thì Tâm hỏa khí thịnh, thì Phế bị ức chế. Phế bị chế thì Kim khí không vận hành, Can khí thịnh, do đó, bệnh của Can tự khỏi. Đó là diệu pháp trị Can bằng cách bổ Tỳ. Can hư thì dùng phép này, thực thì không trị như thế. Sách Nội Kinh nói : “Hư trị theo hư, thực trị theo thực, bổ vào chỗ không đủ, bớt chỗ có thừa”, nghĩa nó là như thế. Các tạng khác chiếu theo đây làm chuẩn.

ĐIỀU 2

Con người bẩm 5 thường (tức 5 hành, thực tế chỉ 5 tạng), nhờ phong khí mà sinh trưởng. Phong khí tuy hay sinh vạn vật, cũng hay hại vạn vật, như nước hay xuôi thuyền, cũng hay lật đắm thuyền. Nếu chân nguyên 5 tạng thông sướng, con người sẽ an hòa. Nếu không an hòa thì khách khí, tà phong trúng vào người, phần nhiều là chết. Tất cả bệnh tật xảy ra không ngoài 3 con đường là: kinh lạc thọ tà, vào tạng phủ, đó là nội nhân, thứ hai là tứ chi, chín khiếu, huyết mạch tương truyền, ứ tắc không thông, đó là trúng ngoài bì phu, là ngoại nhân, 3 là phòng dục, vết thương do kim khí (dao), trùng thú cắn. Bệnh tật đều do một trong 3 nguyên nhân này. Nếu người biết dưỡng sinh phòng bệnh, không để cho phong tà phạm vào kinh lạc. Vừa trúng vào kinh lạc, chưa truyền tạng phủ, nên trị ngay. Tay chân vừa cảm thấy nặng nề liền dùng phép đạo dẫn (phép dưỡng sinh), thở nạp (điều chỉnh hô hấp), châm cứu, dùng thuốc xoa bóp. Đừng để cho 9 khiếu bế tắc, đừng để phạm tội hình, hoặc cảm thú cắn bị thương, đừng mất sức vì việc phòng dục. Ăn uống e dè nóng, lạnh, đắng, chua, cay, ngọt. Đừng để hình thể suy nhược, thì bệnh không có đường vào tấu lý. Tấu là nơi khí nguyên chân hội thông ở Tam tiêu, là nơi huyết khí ra vào, lý là vận lý ở giữa bì phu, tạng phủ.

ĐIỀU 3

Hỏi : Bệnh nhân có khí sắc hiện lên mặt, muốn nghe Thầy nói.

Thầy nói : Chót mũi màu xanh là trong bụng đau, (mộc uất khắc thổ), trong bụng lạnh, đau là chết. Chót mũi hơi đen là có thủy khí (Thận khí thắng Tỳ), màu vàng là phía trên ngực có hàn (Tỳ bệnh sinh ẩm), màu trắng là vong huyết (Kinh nói : sắc trắng là hàn, lại nói : huyết thoát sắc trắng). Giả sử thấy sắc hơi đỏ, trái mùa là chết (mùa hạ hỏa lệnh mà thấy sắc trắng của mùa thu). Mắt trợn ngược là bệnh Kính (phong đôn gánh), không trị được (thuộc âm tuyệt, dương cường), sắc xanh là đau (huyết ngưng), sắc đen là Lao nhược (lao thì thương Thận), sắc đỏ là Phong (Phong là dương tà), sắc vàng, đại tiện khó (Tỳ bệnh thì không vận chuyển), sắc sáng tươi có lưu ẩm.

ĐIỀU 4

Thầy nói : Bệnh nhân im không nói, hay kêu la hoảng sợ, bệnh ở trong cốt tiết (bệnh ở Can, Thận). Tiếng nói thấp, nhỏ, không rõ ràng, bệnh ở khoảng Tâm, hoành cách mô. Tiếng nói rè rè, nhỏ mà dài, bệnh ở trong đầu.

ĐIỀU 5

Thầy nói : Thở day động vai là tà khí thực trong Tâm, thở dẫn khí trong hung lên, ho, thở há hốc miệng, hơi ngắn là Phế nuy (phổi teo), nhỏ ra bọt dãi.

ĐIỀU 6

Thầy nói : Thở vào mà hơi gấp rút, là bệnh ở trung tiêu thực, nên hạ đi thì lành, người hư không trị. Ở thượng tiêu, thở vào ngắn, cạn, ở hạ tiêu hít vào xa, đều là khó trị. Hô hấp day động run run, bất trị.

ĐIỀU 7

Thầy nói : Thốn khẩu mạch Động, nhân lúc nó vượng mà Động, ví như Can vượng sắc xanh. Bốn mùa, mỗi mùa đều tùy theo sắc của nó. Can sắc xanh mà trở lại sắc trắng (Kim khắc mộc) không phải mạch đúng thì sắc, đều là bệnh.

ĐIỀU 8

Hỏi : Có khi chưa đến mà đến, có khi đến mà không đến, có khi đến mà không đi, có khi đến mà thái quá là thế nào.

Thầy nói : Sau ngày Đông chí, nửa đêm ngày Giáp Tý Thiếu dương bắt đầu, là thì bệnh của Thiếu dương. Dương bắt đầu sinh, khí trời được ôn hòa. Chưa đến ngày Giáp Tý, mà khí trời đã ôn hòa, đó là chưa đến mà đến. Đã đến ngày Giáp Tý mà khí trời chưa ôn hòa, đó là chưa đến mà đến. Qua ngày Giáp Tý mà khí trời Đại hàn không giải, đó là đến mà không đi. Đã qua ngày Giáp Tý mà trời ấm như lúc thịnh hạ tháng năm, tháng sáu là đến thái quá.

ĐIỀU 9

Thầy nói : Bệnh nhân mạch Phù ở trước (Thốn), bệnh ở Biểu, mạch Phù ở sau (Xích), bệnh ở Lý, thất lưng đau, lưng cứng không đi được, hãn hơi thở ngắn mà “cực” vậy.

ĐIỀU 10

Hỏi : Kinh nói : “Quyết dương đực hành” là thế nào ?

Thầy nói : Đó là dương không âm, cho nên gọi là Quyết dương.

ĐIỀU 11

Hỏi : Mạch Thốn Trầm, Đại mà Hoạt. Trầm thì là thực, Hoạt thì là khí, thực và khí chọi nhau, huyết khí vào tạng, chết ngay, vào Phủ lạnh ngay, đó là “Tốt quyết” (thốt nhiên tối tăm mảy mặt, ngã ra) là thế nào ?

Thầy nói : Môi miệng xanh, mình lạnh, là vào Tạng, chết ngay, là mình hòa (không nóng, không lạnh), mồ hôi tự ra, là vào phủ, lạnh ngay.

ĐIỀU 12

Hỏi : Mạch thoát vào tạng chết ngay, vào Phủ, lạnh ngay là thế nào ?

Thầy nói : Không phải là 1 bệnh, 100 bệnh đều như thế. Ví như tằm dâm sang (một loại bệnh ở bì phu, hay từ cục bộ, lan ra khắp mình), từ miệng bắt đầu lan ra tay chân, có thể trị, từ tay chân lan vào miệng không thể trị, bệnh ở ngoài có thể trị, vào trong, chết ngay.

ĐIỀU 13

Hỏi : Dương bệnh (bệnh ở biểu, ở kinh lạc) 18 là thế nào ? Thầy nói : Đầu đau, cổ, thất lưng, xương sống, cánh tay, cẳng chân đau rút.

Âm bệnh (thuộc nội bộ tạng, phủ) 18 là thế nào ?

Thầy nói : Ho, khí nghịch lên, suyễn, ói, nghẹn, ruột sôi, trướng đầy, Tâm thống, co quắp. Năm Tạng, tạng nào cũng có 18, hiệp thành 90 bệnh. Con người lại có Lục vi, vi có 18 bệnh, hiệp thành 108 bệnh. Ngũ lao, thất thương, lục cực (khí cực, huyết cực, cốt cực, cơ cực, tinh cực, cực là lao tổn cực độ) ba mươi sáu bệnh của phụ nữ không có trong số này.

Thanh tà ở trên, trọc tà ở dưới, tiểu tà trúng vào lý, tà do ăn uống theo miệng vào thành túc thực.

Năm tà trúng vào người, đều có pháp độ, phong trúng trước (giờ Ngọ), Hàn trúng vào chấp tối,

Thấp thương ở dưới, sương móc thương ở trên, phong khiến cho mạch Phù, Hàn khiến cho

mạch Cấp, sương móc thương bì mao, Tẩu lý, Thấp động ở quan tiết (đốt xương), ăn uống

thương Tý, Vy, cực hàn thương kinh, cực nhiệt thương lạc.

ĐIỀU 14

Hỏi : Bệnh có khi gấp, nên cứu Lý, cứu Biểu là thế nào ?

Thầy nói : Bệnh, y giả hạ đi, tiếp tục hạ lợi thanh cốc (ra nguyên đồ ăn uống) không dứt, mình mảy đau nhức, gấp nên cứu Lý, sau thân thể còn đau nhức, đại tiện tự điều hòa, gấp nên cứu Biểu.

ĐIỀU 15

Bệnh có cố tật (bệnh lâu khó trị), lại thêm bệnh mới, nên trị bệnh mới trước, sau trị cố tật.

ĐIỀU 16

Thầy nói : Năm tạng bệnh đều có sở đắc (ăn uống, cư xử thích hợp với bệnh) là lạnh, năm tạng đều có sở ố (chỉ sự ăn uống, cư xử bệnh nhân chán ghét). Mỗi tạng đều tùy chỗ không ưa của nó mà sinh bệnh. Người bệnh vốn không ưa ăn mà trở lại muốn ăn ghê gớm, ăn vào tất phát nhiệt.

ĐIỀU 17

Các bệnh ở Tạng (Lý bệnh) muốn công đi, nên theo sở đắc của nó mà công, như bệnh khát, dùng Trư linh thang, ngoài ra, phỏng theo đó.

THIÊN THỨ HAI

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH KÍNH, THẤP, YẾT.

ĐIỀU 1

Thái dương bệnh, phát nhiệt, không mồ hôi, trái lại, ghét lạnh, tên gọi là Cường kính.

ĐIỀU 2

Thái dương bệnh, phát nhiệt, mồ hôi ra mà không ghét lạnh, tên gọi là Nhu kính.

ĐIỀU 3

Thái dương bệnh, phát nhiệt, mạch Trầm mà Tế, gọi là chứng Kính, khó trị.

ĐIỀU 4

Thái dương bệnh, mồ hôi ra quá nhiều, nhân đó sinh ra bệnh Kính.

ĐIỀU 5

Phong bệnh, dùng phép xổ thì sanh ra chứng Kính, lại ra mồ hôi, thì sẽ bị co giật.

ĐIỀU 6

Sang gia (người vốn có ghê, mụn) tuy cơ thể đau nhức, không thể cho ra mồ hôi, nếu mồ hôi ra thì thành chứng Kính.

ĐIỀU 7

Người bệnh, mình nóng, chân lạnh, cổ cứng, ghét lạnh, thỉnh thoảng đầu nóng, mặt đỏ, mắt đỏ, riêng đầu day động, thoát nhiên cảm khẫu, lưng cong lên là bệnh Kính. Nếu ra mồ hôi, hàn thấp hiệp nhau, phần biểu càng hư thì sẽ sợ lạnh hơn. Sau khi ra mồ hôi, mạch sẽ giống như con rắn.

ĐIỀU 8

Bệnh chợt trướng đầy, là dấu hiệu muốn giải, mạch vẫn như cũ. Nếu trở lại thêm Phục, Huyền, là biến chứng của bệnh Kính.

ĐIỀU 9

Mạch chứng Kính, ấn tay vào cứng như dây cung, thẳng từ trên xuống.

ĐIỀU 10

Bệnh Kính mà có mụn lở loét, khó trị.

ĐIỀU 11

Thái dương bệnh, đủ hết các chứng, mình mẩy cứng, dáng ngo ngoạy, mạch trái lại thấy Trầm, Trì. Đó là chứng Kính. Quát Lâu Quế Chi Thang chủ về bệnh ấy.

QUÁT LÂU QUẾ CHI THANG PHƯƠNG

Quát lâu căn : 2 lượng Quế chi : 3 lượng (bỏ vỏ)

Thược dược : 3 lượng Cam thảo : 2 lượng (nướng)

Sinh khương : 3 lượng Đại táo : 12 quả (bỏ ra)

Sắc với 9 thăng nước, còn 3 thăng, chia 3 lần, uống nóng, cho hơi ra mồ hôi, ăn xong 1 lúc, húp cháo nóng cho ra mồ hôi.

ĐIỀU 12

Thái dương bệnh, không mồ hôi, tiểu tiện trở lại ít, khí xung lên ngực, cảm khẫu, không nói được, muốn thành chứng Cường kính, Cát Căn Thang chủ về bệnh ấy.

CÁT CĂN THANG PHƯƠNG

Cát căn : 4 lượng Ma hoàng : 3 lượng (bỏ đốt)

Quế chi : 2 lượng (bỏ vỏ) Thược dược : 2 lượng

Cam thảo : 2 lượng (nướng) Sinh khương : 3 lượng (thái)

Đại táo : 12 quả (bỏ ra)

Dùng 1 đấu nước, trước đun Ma hoàng, Cát căn, cạn bớt 2 thăng, gặt bỏ bột, cho 5 vị kia vào đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng, đắp chăn cho hơi ra mồ hôi, không cần ăn cháo, ngoài ra như phép uống bài Quế Chi Thang. Theo các điều và cấm kỵ.

ĐIỀU 13

Bệnh Kính, ngực đầy, cảm khẫu, nằm không sát giường (chỉ trạng thái lưng uốn cong), căng chân co rút, thì sẽ nghiêng rằng, có thể dùng Đại Thừa Khí Thang.

ĐẠI THỪA KHÍ THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 4 lượng (rửa rượu) Hậu phác : 1/2 cân (nướng bỏ vỏ)

Chỉ thực : 5 quả (nướng) Mang tiêu : 3 hợp

Dùng 1 đấu nước, sắc Hậu phác và Chỉ thực trước còn 5 thăng, bỏ bã, cho Đại hoàng vào sắc lấy 2 thăng, bỏ bã, cho Mang tiêu vào, nấu sôi vài dạo, uống nóng 2 lần, nếu xổ được thì không uống nữa.

ĐIỀU 14

Thái dương bệnh, quan tiết đau nhức mà phiền, mạch Trầm, Tế, gọi tên là Thấp tý. Chứng hậu của Thấp tý : tiểu tiện không lợi, đại tiện, trái lại dễ, chỉ nên lợi tiểu tiện.

ĐIỀU 15

Thấp gia (người mắc bệnh Thấp kinh niên) khắp mình nhức nhối, phát sốt, cơ thể màu vàng như khói.

ĐIỀU 16

Thấp gia, người bệnh chỉ ra mồ hôi trên đầu, lưng cứng, thích đắp chăn, thích lửa (nóng). Nếu dùng phép hạ sớm thì bị nôn mửa, hoặc đầy ngực, tiểu không lợi, trên lưỡi như có rêu, vì đơn điền có nhiệt, phách trên ngực lạnh, khát muốn uống mà không uống được nên miệng táo, phiền.

ĐIỀU 17

Thấp gia, dùng phép hạ (xổ), trên trán mồ hôi ra, hơi suyễn, tiểu tiện lợi, thì chết, nếu hạ lợi không dứt cũng chết.

ĐIỀU 18

Phong, Thấp chọi nhau, khắp mình đau nhức, phép nên cho mồ hôi ra để giải, đang lúc mồ hôi ra không ngớt, y giả nói thế là có thể phát hàn, mồ hôi đi, bệnh không lành là cơ sao ?

- Bởi phát hãn, hãn ra nhiều, chỉ phong đi mà thấp còn lại cho nên không lành. Nếu trị phong, thấp, phát hãn chỉ cho hơi hơi tựa hãn ra, phong, thấp đều đi hết.

ĐIỀU 19

Thấp gia bệnh, mình nhức, phát sốt, mặt vàng mà suyễn, đầu đau, mũi nghẹt mà phiền, mạch Đại, tự ăn uống được, trong bụng hòa, không bệnh, bệnh hàn thấp ở trong đầu cho nên mũi nghẹt, cho thuốc vào trong mũi thì lành.

ĐIỀU 20

Thấp gia, mình phiền đông, có thể dùng Ma hoàng gia Truật thang phát hãn là hợp, cần thận, không thể dùng hỏa mà công nó.

MA HOÀNG GIA TRUẬT THANG PHƯƠNG

Ma hoàng : 3 lượng (bỏ đốt) Quế chi : 2 lượng (bỏ vỏ)

Cam thảo : 1 lượng (nướng) Hạnh nhân : 70 hạt (bỏ vỏ chóp)

Bạch truật : 4 lượng

Dùng 9 thăng nước, trước đun Ma hoàng cạn bớt 2 thăng, gạt bỏ vỏ, cho các thuốc vào, đun lấy 2 thăng rượu, bỏ bã, uống nóng một hiệp, đắp chăn hơi tựa hãn.

ĐIỀU 21

Người bệnh, khắp mình nhức, phát sốt, quá trưa nặng, gọi là phong thấp. Bệnh này do lúc hãn ra gặp gió, hoặc do tham hóng mát sinh ra, có thể dùng Ma hoàng, Hạnh nhân, Ý dĩ, Cam thảo thang.

MA HOÀNG, HẠNH NHÂN, Ý DĨ, CAM THẢO THANG

Ma hoàng : nửa lượng (bỏ đốt, rửa nước nóng)

Cam thảo : 1 lượng (nướng) Ý dĩ nhân : nửa lượng

Hạnh nhân : 10 hạt (bỏ vỏ, chóp)

Bốn vị giã nát như mè, mỗi lần dùng 4 đồng tiền xúc, 1 chén rượu nước, đun còn 8 phân, bỏ bã, uống nóng, hơi tựa hãn, lánh gió.

ĐIỀU 22

Phong thấp, mạch Phù, mình nặng, hãn ra, ghét gió, Phòng kỷ, Hoàng kỳ thang chủ về bệnh ấy.

PHÒNG KỶ, HOÀNG KỶ THANG PHƯƠNG

Phòng kỷ : 1 lượng Cam thảo : nửa lượng (sao)

Bạch truật : 7 chỉ rượu Hoàng kỳ : 1 lượng, 1 phân (bỏ đầu)

Xé nhỏ như hạt mè, mỗi lần dùng 5 đồng tiền xúc, Sinh cương 4 lát, Đại táo 1 quả, 2 chén rượu nước, đun còn 8 phân, bỏ bã, uống nóng, chập lâu lại uống. Người có bệnh suyễn, gia Ma hoàng nửa lượng. Trong Vy không hòa, gia Thược dược 3 phân, khí xung lên, gia Quế chi 3 phân, hạ tiêu vốn có lạnh, gia Tế tân 3 phân. Uống rồi như trùng bò trong da, từ thắt lưng xuống lạnh như giá, sau ngồi trên chăn, lại lấy chăn quấn thắt lưng trở xuống cho ấm, khiến cho hãn ra chút ít, bớt.

ĐIỀU 23

Thương hàn 8, 9 ngày, phong, thấp chọi nhau, mình mẩy nhức nhối khó chịu, không day trở được, không ói, không khát, mạch Phù, Hư mà Sác, Quế chi, Phụ tử thang chủ về bệnh ấy. Nếu đòi tiện rần, tiểu tiện tự lợi, khứ Quế gia Bạch truật thang chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI, PHỤ TỬ THANG PHƯƠNG

Quế chi : 4 lạng (bỏ vỏ) Sinh cương : 3 lạng (thái)

Cam thảo : 2 lạng (nướng) Đại táo : 12 quả (bỏ ra)

Phụ tử : 3 củ (bào, bỏ vỏ, bỏ làm 8)

Dùng 6 thăng nước đun còn 2 thăng, bỏ bã, uống nóng 3 lần.

BẠCH TRUẬT, PHỤ TỬ THANG PHƯƠNG

Bạch truật : 2 lạng Phụ tử : 1 củ rươi (bào, bỏ vỏ)

Sinh cương : 3 lạng Cam thảo : 2 lạng (nướng)

Đại táo : 6 quả (bỏ ra)

Dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng, bỏ bã, chia 3 lần, uống nóng. Uống 1 lần thấy mình tê, nửa ngày lại uống, uống hết 3 lần, người bệnh cảm thấy mạo (đầu nặng nề như có vật gì úp lên) chớ lấy làm lạ, tức là Truật Phụ chạy trong da, trục thủy khí chưa hết cho nên như vậy.

ĐIỀU 24

Phong thấp chọi nhau, cốt tiết nhức nhối khó chịu, đau rút, không co duỗi được, để tay gần đau kịch liệt, hãn ra, hơi thở ngắn, tiểu tiện không lợi, ghét gió, không muốn bỏ áo, hoặc mình hơi sưng, Cam thảo, Phụ tử thang chủ về bệnh ấy.

CAM THẢO, PHỤ TỬ THANG PHƯƠNG

Cam thảo : 2 lạng (nướng) Bạch truật : 2 lạng

Phụ tử : 1 củ (bào, bỏ vỏ) Quế chi : 4 lạng (bỏ vỏ)

Dùng 6 thăng nước đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần, mới uống, hơi có hãn thì giải, hãn ra lại phiền, uống 5 hợp, 1 thăng e nhiều, uống 6, 7 hợp là tốt.

ĐIỀU 25

Thái dương trúng Yết, phát sốt, ghét lạnh, mình nóng mà đau nhức, mạch Huyền, Tế, Khổng, Trì, tiểu tiện rồi rờn rợn, lông dựng ngược, tay chân nghịch lãnh, lao động chút ít mình nóng ngay, miệng há, răng khô táo. Nếu phát hãn, thì ghét lạnh lắm, thêm ôn châm thì phát sốt lắm, hạ đôi lần thì tiểu tiện rít rảm như lậu.

ĐIỀU 26

Thái dương trúng nhiệt là Yết vậy. Hãn ra, ghét lạnh, mình nóng mà khát, Bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.

BẠCH HỔ GIA NHÂN SÂM THANG PHƯƠNG

Tri mẫu : 6 lạng Cam thảo : 2 lạng

Nhân sâm : 3 lạng Ngạch mễ : 6 hợp

Thạch cao : 1 cân (đập nát)

Dùng 1 đấu nước, đun mễ chín là được, bỏ bã uống nóng 1 thăng. Ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 27

Thái dương trúng Yết, mình nóng, nhức nhối, nặng nề, mạch Vi, Nhược, đó là vì tháng mùa Hạ, thương phải nước lạnh, thủy vào trong da sinh ra như vậy. Nhất vật Qua để thang chủ về bệnh ấy.

NHẤT VẬT QUA ĐỂ THANG PHƯƠNG

Qua để : 20 cái

Tước ra, dùng 1 thăng nước, đun lấy 5 hợp, bỏ bã, uống hết 1 lần.

THIÊN THỨ BA

BIỆN VỀ MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH BÁ HỢP, HỒ HOẶC, ÂM DƯƠNG ĐỘC

ĐIỀU 1

Luận rằng : Bệnh bá hợp 100 mạch 1 dòng, tất sinh ra bệnh, ý muốn ăn lại không ăn được, muốn đi không đi được, ăn uống hoặc có lúc ngon, hoặc có lúc ghét ăn, như lạnh không phải lạnh, như nóng không phải nóng, miệng đắng, tiểu tiện đỏ, các thuốc không trị được, uống thuốc vào thì thổ, lợi dữ tợn, như có thần linh, thân hình như hòa, mạch Vi, Sác.

Mỗi lần đi tiểu, đầu đau, 60 ngày lành, nếu lúc đi tiểu đầu không đau, rờn rợn, 40 ngày lành, nếu tiểu tiện khoan khoái nhưng đầu choáng váng 20 ngày lành.

Chứng này hoặc chưa bệnh mà thấy trước, hoặc bệnh 4, 5 ngày rồi xuất hiện, hoặc 20 ngày, hoặc 1 tháng rồi thấy, đều tùy chứng mà trị.

ĐIỀU 2

Bệnh Bá hiệp, phát hãn rồi, Bá hiệp, Tri mẫu thang chủ về bệnh ấy.

BÁ HIỆP, TRI MẪU THANG PHƯƠNG

Bá hiệp : 7 quả Tri mẫu : 3 lượng (thái)

Trước dùng nước rửa Bá hiệp, ngâm 1 đêm cho ra bọt trắng, bỏ nước, lại dùng nước sôi 2 thăng đun lấy 1 thăng, bỏ bã. Lấy riêng 2 thăng nước sôi đun Tri mẫu lấy 1 thăng, bỏ bã. Sau hiệp lại, đun lấy 1 thăng, 5 hiệp, uống nóng 2 lần.

ĐIỀU 3

Bệnh Bá hiệp hạ rồi, Hoạt thạch, Đại chữ thang chủ về bệnh ấy.

HOẠT THẠCH, ĐẠI CHỮ THANG PHƯƠNG

Bá hiệp : 7 quả Hoạt thạch : 3 lượng (đập vụn, bọc vải)

Đại chữ thạch 1 cục như hòn đạn (đập vụn, bọc vải)

Trước dùng nước rửa Bá hiệp, ngâm 1 đêm cho ra bọt trắng, bỏ nước, lại dùng 2 thăng nước sôi, đun lấy 1 thăng. Lấy riêng 2 thăng nước sôi, đun Hoạt thạch, Đại chữ, lấy 1 thăng, bỏ bã, sau hợp chung đun lấy 1 thăng rưỡi, chia ra uống nóng.

ĐIỀU 4

Bệnh Bá Hiệp thổ rồi, dùng Bá hiệp, kê tử hoàng thang chủ về bệnh ấy.

BÁ HIỆP, KÊ TỬ HOÀNG THANG PHƯƠNG

Bá hiệp : 7 quả (bỏ ra) Kê tử hoàng : 1 quả

Trước dùng nước rửa Bá hiệp, ngâm 1 đêm cho ra bọt trắng, bỏ nước lại dùng 2 thăng nước sôi đun lấy 1 thăng, bỏ bã, cho Kê tử hoàng nào khuấy đều đun còn 5 phân, uống nóng.

ĐIỀU 5

Bệnh Bá hiệp không trải qua Thổ, Hạ, phát hãn, bệnh hình như mới phát, Bá hiệp, Địa hoàng thang chủ về bệnh ấy.

BÁ HIỆP, ĐỊA HOÀNG THANG PHƯƠNG

Trước dùng nước rửa Bá hiệp, ngâm 1 đêm cho ra bọt trắng, bỏ nước, lại dùng nước sôi 2 thăng, đun còn 1 thăng, bỏ bã, cho Địa hoàng trấp vào, đun lấy 1 thăng 5 hiệp, chia 2, uống nóng. Trúng bệnh, không uống nữa. Đại tiện nên như sợn.

ĐIỀU 6

Bệnh Bá hiệp, 1 tháng không giải, biến thành khát, Bá hiệp tẩy phương chủ về bệnh ấy.

BÁ HIỆP TẨY PHƯƠNG

Dùng 1 thăng Bá hiệp ngâm với 1 đấu nước 1 đêm, rửa mình, rửa rồi ăn bánh lạt, chớ dùng đậu muối (tương).

ĐIỀU 7

Bệnh Bá hiệp, khát không bớt, Quát lâu, Mẫu lệ tán chủ về bệnh ấy.

QUÁT LÂU, MẪU LỆ TÁN PHƯƠNG

Quát lâu căn, Mẫu lệ ngang nhau.

Nghiền bột, uống 1 muống, ngày 3 lần.

ĐIỀU 8

Bệnh Bá hiệp biến ra phát nhiệt, Bá hiệp, Hoạt thạch tán chủ về bệnh ấy.

BÁ HIỆP, HOẠT THẠCH TÁN PHƯƠNG

Bá hiệp : 1 lượng (nướng) Hoạt thạch : 2 lượng

Nghiền bột, uống 1 muống, ngày uống 3 lần, được hơi lợi, ngưng uống, nhiệt trừ.

ĐIỀU 9

Bệnh Bá hiệp thấy ở Âm, dùng phép Dương để cứu đi, thấy ở Dương, dùng phép Âm để cứu đi.

Thấy Dương, công Âm lại phát hãn, ấy là nghịch, thấy Âm công Dương lại hạ đi, đó cũng là nghịch.

ĐIỀU 10

Bệnh hồ hoặc trạng như thương hàn, im im muốn ngủ, mắt không nhắm được, nằm dậy không yên, thối nát ở Hậu là Hoặc, ở Tiền âm, Hậu âm là Hồ, không muốn ăn uống, ghét nghe mùi thực vật, mặt mắt chột đỏ, chột đen, chột trắng, thối nát ở thượng bộ thì tiếng khản. Cam thảo tả Tâm thang chủ về bệnh ấy.

CAM THẢO TẢ TÂM THANG PHƯƠNG

Cam thảo : 4 lượng (nướng) Hoàng cầm : 3 lượng
Nhân sâm : 3 lượng Càn cương : 3 lượng
Hoàng liên : 1 lượng Đại táo : 12 quả
Bán hạ : nửa cân

Dùng 1 đấu nước đun còn 6 thăng, bỏ bã, lại đun uống nóng 1 thăng. Ngày 3 lần.

ĐIỀU 11

Cẩn khoét ở hạ bộ (tiền âm) thì họng khô, dùng Khổ sâm thang rửa đi.

KHỔ SÂM THANG PHƯƠNG

Khổ sâm 1 thăng, dùng 1 đấu nước đun còn 7 thăng bỏ bã, xông rửa, ngày 3 lần.

ĐIỀU 12

Cẩn khoét ở Giang môn, Hùng hoàng xông đi.

Hùng hoàng nghiền bột đốt xông giang môn.

ĐIỀU 13

Người bệnh mạch Sác, không nóng, hơi phiền, im ỉm chỉ muốn nằm, mồ hôi ra, mới mắc bệnh 3, 4 ngày mắt đỏ như mắt tu hú, 7, 8 ngày, 4 kheo mắt đen, nếu ăn ngủ được, mũ đã thành. Xích tiểu đậu, Đương quy tán phương chủ về bệnh ấy.

XÍCH TIỂU ĐẬU, ĐƯƠNG QUY TÁN PHƯƠNG

Xích tiểu đậu 3 thăng (ngâm cho mọc mầm, phơi khô), Đương quy. Hai vị nghiền bột, uống 2 muống với tương thủy (nấu chín gạo, đổ vào trong nước lạnh, ngâm 5, 6 ngày, chế thành, vị chua, sắc trắng). Ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 14

Dương độc làm nên bệnh, mặt đỏ loang lổ như vân gấm, yết hầu đau, thổ ra máu mũi, 3 ngày có thể trị, 7 ngày, không thể trị. Thăng ma, Biết giáp thang, chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 15

Âm độc làm nên bệnh, mặt, mắt xanh, mình đau như đánh, yết hầu đau, 5 ngày có thể trị, 7 ngày không thể trị. Thăng ma, Biết giáp bỏ Hoàng kỳ, Thục tiêu chủ về bệnh ấy.

THĂNG MA, BIẾT GIÁP THANG PHƯƠNG

Thăng ma : 2 lượng Đương quy : 1 lượng
Cam thảo : 2 lượng (nghiền) Hùng hoàng : nửa lượng
Thục tiêu : 1 lượng (sao, bỏ mồ hôi)
Biết giáp : 1 lát to bằng ngón tay (nướng)

Dùng 4 thăng nước, đun lấy 1 thăng, uống hết 1 lần. Chặp lâu lại uống cho ra mồ hôi.

THIÊN THỨ TƯ

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH NGƯỢC

ĐIỀU 1

Thầy nói : Mạch ngược tự Huyền, Huyền, Sác là nhiệt nhiều, Huyền, Trì là hàn nhiều. Huyền, Tiểu, Khẩn, hạ đi sẽ bớt. Huyền, Trì có thể ôn, đi, Huyền Khẩn có thể phát hãn, châm cứu, Phù, Đại có thể thổ đi. Huyền Sác là cảm phải phong tà phát ra quan sát việc ăn uống mà dứt đi.

ĐIỀU 2

Bệnh Ngược, mỗi tháng phát 1 lần, 15 ngày lành, giả sử không lành, 1 tháng lành hẳn, nếu không bớt là thế nào ?

Thầy nói : Đó là kết thành Trùng, Hà, tên gọi Ngược mẫu, gấp trị đi, nên dùng Biết giáp tiên hoàn.

BIẾT GIÁP TIÊN HOÀN PHƯƠNG

Biết giáp : nửa phân (nướng) Ô phiến : 2 phân (đốt)
Hoàng cầm : 3 phân Sài hồ : 6 phân
Thử phụ : 3 phân (rang khô) Càn cương : 3 phân
Đại hoàng : 3 phân Thược dược : 5 phân
Quế chi : 3 phân Đinh lịch : 1 phân (rang khô)
Thạch vi : 3 phân (bỏ lông) Hậu phác : 3 phân
Mẫu đơn : 5 phân (bỏ tim) Cù mạch : 2 phân

Tứ uyển : 3 phân Bán hạ : 1 phân
Nhân sâm : 1 phân Già trùng : 5 phân (rang)
A giao : 3 phân (nướng) Phong oa : 4 phân (nướng)
Xích tiêu : 1 phân Cương lang : 6 phân (rang)
Đào nhân : 2 phân

23 vị, nghiền bột, dùng 1 đấu tro bếp, thanh tửu 1 học 5 đấu, tẩm tro, đọi rượu còn 1 nửa, cho Bột giập vào trong, đun nát như keo sơn, vắt lấy nước, cho thuốc vào, đun làm hoàn như hạt Ngô đồng, ruột đoi, uống 7 hoàn. Ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 3

Thầy nói : Âm khí cô tuyệt (1 mình âm khí tuyệt), Dương khí độc phát (một mình Dương khí phát) thì nóng mà ít khí, phiền oan (có cảm giác buồn, bức, không thư sướng), tay chân nóng mà muốn ới, tên gọi là Độn ngược. Nếu chỉ nóng, không lạnh là tà khí trong chứa ở Tâm, ngoài chứa ở khoảng cơ nhục khiến cho người bệnh gây ối, thoát nhục.

ĐIỀU 4

Người mắc bệnh Ôn ngược, mạch hòa bình, mình không lạnh, chỉ nóng, cốt tiết nhức, khó chịu, thường ới, Bạch hổ gia Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

BẠCH HỔ GIA QUẾ CHI THANG PHƯƠNG

Tri mẫu : 6 lượng Cam thảo : 2 lượng (nướng)

Thạch cao : 1 cân Ngạch mễ : 2 hiệp

Quế chi : 3 lượng (bỏ vỏ)

Tước nhỏ, mỗi lần dùng 5 chỉ, 1 chén rượu nước, đun còn 8 phân, bỏ bã, uống nóng, ra mồ hôi, lạnh.

ĐIỀU 5

Ngược lạnh nhiều, tên là Tản ngược, Thục tất tán chủ về bệnh ấy.

THỤC TẮT TÁN PHƯƠNG

Thục tất (rửa bỏ mùi tanh) Long cốt

Vân mẫu (đốt 2 ngày đêm)

3 vị ngang nhau

3 vị trên nghiền bột, trước khi phát, dùng Tương thủy (đã giải) uống 5 phân. Ôn ngược, gia Thục tất nửa phân, lúc phát, uống 1 đồng tiền xúc.

PHỤ “NGOẠI ĐÀI BÍ YẾU” PHƯƠNG

MẪU LỆ THANG (trị Tản ngược) Mẫu lệ : 4 lượng (rang)

Ma hoàng : 4 lượng (bỏ đốt) Cam thảo : 2 lượng

Thục tất : 3 lượng

Dùng 8 thăng nước, trước đun Thục tất, Ma hoàng, gạt bỏ bột, lấy 5 thăng, cho các thuốc vào, đun lấy 2 thăng, uống nóng 1 thăng, nếu thổ, dừng uống nữa.

SÀI HỒ BỔ BÁN HẠ GIA QUÁT LẬU CĂN THANG

(Trị bệnh Ngược phát khát, cũng trị Lao ngược)

Sài hồ : 8 lượng Nhân sâm : 3 lượng

Hoàng cầm : 3 lượng Cam thảo : 3 lượng

Quát lâu căn : 2 lượng Sinh khương : 2 lượng (thái)

Đại táo : 12 quả (bỏ)

Dùng 1 đấu, 2 thăng nước, đun lấy 6 thăng, bỏ bã lại đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày 2 lần.

SÀI HỒ, QUẾ CƯƠNG THANG

Trị Ngược, hàn nhiều, hơi có nhiệt, hoặc chỉ hàn không nhiệt.

Sài hồ : nửa cân Quế chi : 3 lượng (bỏ vỏ)

Càn cương : 2 lượng Quát lâu căn : 4 lượng

Hoàng cầm : 3 lượng Mẫu lệ : 3 lượng (rang)

Cam thảo : 2 lượng (nướng)

Dùng 1 đấu, 2 thăng nước đun lấy 6 thăng, bỏ bã lại đun còn 3 thăng, uống nóng 1 thăng. Ngày 3 lần. Mới uống hơi phiền, uống lần nữa, hẳn ra, lạnh.

THIÊN THỨ NĂM

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH TRÚNG PHONG, LỊCH TIẾT

ĐIỀU 1

Phong làm nên bệnh, thành bán thân bất toại (nửa mình không tùy ý vận động được), hoặc chỉ cánh tay bất toại. Đó là Tý, mạch Vi mà Sác, do trúng phong sinh ra vậy.

ĐIỀU 2

Thốn khẩu, mạch Phù mà Khẩn, Khẩn thì là hàn, Phù thì là hư. Hàn, hư chọi nhau, tà ở bì phu. Phù là huyết hư, lạc mạch trống không, tặc tả không tiết ra, hoặc tả, hoặc hữu, tà khí trở lại hoãn, chánh khí gấp, chánh khí dẫn tà, miệng, mắt méo xéch, không tùy ý vận động được.

Tà ở Lạc, cơ phu bất nhân (da dẻ tê dại), tà ở Kinh, thân thể, nặng nề, khó cử động, tà vào Phủ, liền không biết người, tà vào Tạng, lưỡi liền khó nói, miệng chảy bọt dãi.

HẦU THỊ HẮC TÁN

Trị đại phong, tứ chi phiền trọng (nặng nề khó chịu), trong Tâm sợ lạnh, bất túc.

Cúc hoa : 40 phân Bạch trạch : 10 phân

Tế tân : 3 phân Phục linh : 3 phân

Mẫu lệ : 3 phân Cát cánh : 8 phân

Phòng phong : 10 phân Nhân sâm : 3 phân

Phàn thạch : 3 phân Hoàng cầm : 5 phân

Đương quy : 3 phân Càn cương : 3 phân

Khung cung : 3 phân Quế chi : 3 phân

14 vị tán bột, uống 1 muống với rượu, ngày uống 1 lần. Uống 20 ngày với rượu nóng. Cấm ăn tất cả các loài cá, tỏi, thường nên ăn lạnh, 60 ngày thôi, tức thuốc chứa trong bụng không xuống. Ăn nóng liền xuống ngay, ăn lạnh tự hay giúp cho sức thuốc.

ĐIỀU 3

Thốn khẩu, mạch Trì mà Hoãn, Trì thời là hàn Hoãn thời là hư. Vinh hoãn thời vong huyết, Vệ hoãn thời là trúng phong. Tà khí trúng kinh thời mình ngứa mà sinh ần chẩn (sởi); Tâm khí không đủ, tà khí vào trong thời hung đầy mà thờ ngẩn.

PHONG DẪN THANG

Trừ nhiệt than giản (bệnh động kinh, co quắp, tê liệt).

Đại hoàng : 4 lạng Càn cương : 4 lạng

Long cốt : 4 lạng Quế chi : 3 lạng

Cam thảo : 2 lạng Mẫu lệ : 2 lạng

Hàn thủy thạch : 6 lạng Hoạt thạch : 6 lạng

Bạch thạch chi : 6 lạng Tử thạch anh : 6 lạng

Thạch cao : 6 lạng

Đâm nát, sàng, đựng trong bọc, lấy 3 nhúm, dùng 3 thăng nước giếng, đun sôi 3 dạo, uống nóng 1 thăng.

Trị người lớn phong dẫn, trẻ nhỏ kinh giản, khiết túng (gân mạch thõng ra), ngày phát đôi lần.

PHÒNG KỶ, ĐỊA HOÀNG THANG

Trị bệnh như cuồng, đi bậy, nói 1 mình không ngớt, không nóng lạnh, mạch Phù.

Phòng kỷ : 1 phân Quế chi : 3 phân

Phòng phong : 3 phân Cam thảo : 1 phân

4 vị, dùng 1 chén rượu tằm 1 đêm, vắt lấy nước. Sinh địa hoàng 2 cân, xé nát, chưng độ chín 1 đấu gạo, lấy nước thuốc trên chứa trong nồi đồng, lại vắt nước Địa hoàng vào, hòa chung uống 2 lần.

ĐẦU PHONG MA TÁN PHƯƠNG

Đại phụ tử : 1 củ (bào)

Muối ăn : số lượng ngang nhau.

2 vị trên tán bột, gọi đầu rời, dùng 1 muống, chà trên đầu cho nhanh, khiến cho sức thuốc đi.

ĐIỀU 4

Thốn khẩu, mạch Trầm mà Nhược, Trầm chủ về xương, Nhược chủ về gân. Trầm tức là Thận, Nhược tức là Can. Hấn ra, vào trong nước. Nếu nước làm tổn thương tới Tâm, thì sinh Lịch tiết (khớp xương đau), mồ hôi vàng ra (1), cho nên gọi là Lịch tiết.

(1) Chỗ đốt xương đau tràn ra nước vàng cho nên gọi là “Lịch tiết, mồ hôi vàng ra”, không giống với bệnh mồ hôi vàng ra khắp mình.

ĐIỀU 5

Mạch Trật dương Phù mà Hoạt, Hoạt thời cốc khí thực, Phù thời hãn tự ra.

ĐIỀU 6

Mạch Thiếu âm Phù mà Nhược (tức Thần môn của Tâm và Thái Khê của Thận), Nhược thời huyết không đủ, Phù, thời là phong, phong, huyết chọi nhau, tức đau như kéo đất.

ĐIỀU 7

Người mập, mạch Sáp, Tiểu, hơi ngắn, tự hãn ra, đốt xương đau nhức, không co duỗi được. Đó đều là do uống rượu, hãn ra, ra ngoài gió.

ĐIỀU 8

Các chứng chi tiết đau nhức, thân thể ốm gầy, cẳng chân sưng như thoát, đầu choáng váng, thờ ngẩn, nôn nao muốn thổ, Quế chi, Thược dược, Tri mẫu thang chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI, THƯỢC DƯỢC, TRI MẪU THANG PHƯƠNG

Quế chi : 4 lạng Thược dược : 3 lạng

Cam thảo : 2 lạng Ma hoàng : 2 lạng

Sanh cương : 5 lạng Bạch truật : 5 lạng

Tri mẫu : 4 lạng Phòng phong : 4 lạng

Phụ tử : 2 củ (bào)

7 thăng nước, đun lấy 2 thăng, uống nóng 7 hiệp, ngày 3 lần.

ĐIỀU 9

Vị chua, thương gân, gân thương thời thống (lợi), tên gọi là Tiết. Vị mặn thương xương, xương thương thời Nuy (liệt), tên gọi là Khô. Khô Tiết chọi nhau tên gọi là Đoạn tiết. Vinh khí không thông, Vệ không đi 1 mình. Vinh, Vệ đều vi (yếu), Tam tiêu không có chỗ thống trị, tứ chi không được khí huyết nuôi dưỡng, thân thể gầy còm, riêng cẳng chân sưng lớn, mồ hôi vàng ra, cẳng chân lạnh. Ví như phát sốt là sinh Lịch tiết vậy.

ĐIỀU 10

Bệnh Lịch tiết, không thể co duỗi, đau nhức, Ô đầu thang chủ về bệnh ấy.

Ô ĐẦU THANG PHƯƠNG

Trị Cước khí đau nhức, không thể co duỗi.

Ma hoàng : 3 lạng Thược dược : 3 lạng

Hoàng kỳ : 3 lạng Xuyên ô đầu : 3 củ

Cam thảo : 3 lạng (nướng)

Tước nhỏ Ô đầu, đun với 2 thăng mật, lấy 1 thăng bỏ Ô đầu. Bốn vị kia dùng 3 thăng nước đun lấy 1 thăng, bỏ bã. Cho mật Ô đầu vào, lại đun, uống 7 hiệp, không bớt, uống hết.

PHÀN THẠCH THANG

(Trị cước khí xung Tâm)

Phàn thạch : 2 lạng

Dùng 1 đấu rượu thủy tương, đun sôi 3, 5 dạo, dầm chân, tốt.

“CÔ KIM LỤC NGHIỆM” TỰC MẠNG THANG

Trị trúng phong phỉ (trúng gió), thân thể không tùy ý vận động được, miệng không nói được, mờ mịt tối tăm không biết đau chỗ nào, hoặc câu cấp, không day trở được.

Ma hoàng : 3 lạng Quế chi : 3 lạng

Đương quy : 3 lạng Nhân sâm : 3 lạng

Thạch cao : 3 lạng Càn cương : 3 lạng

Cam thảo : 3 lạng Hạnh nhân : 40 hạt

Khung cung : 1 lạng rượu

Dùng 1 đấu nước đun còn 4 thăng, uống nóng 1 thăng, nên cho ra chút ít mồ hôi, đắp sơ trên xương sống, dựa ghế ngồi, mồ hôi ra thời lạnh, không ra, lại uống, không kiêng cử gì, chờ ra gió và trị bệnh chỉ cúi, không nằm được, ho khí nghịch lên, mặt, mắt phù thũng.

“THIÊN KIM” TAM HOÀNG THANG

Trị trúng phong, tay chân câu cấp, trộm đốt xương đau nhức, phiền nhiệt, Tâm loạn, sợ lạnh, suốt ngày không muốn ăn uống.

Ma hoàng : 5 phân Độc hoạt : 4 phân

Tế tân : 2 phân Hoàng kỳ : 2 phân

Hoàng cầm : 2 phân

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 2 thăng, chia 3, uống nóng. Uống lần đầu, hãm ra ít, lần sau ra nhiều. Tâm nhiệt gia Đại hoàng 2 phân. Bụng đầy, gia Chỉ thực 1 quả. Khí nghịch gia Nhân sâm 3 phân. Sợ sệt, gia Mẫu lệ 3 phân. Khát, gia Quát lâu căn 3 phân. Trước có lạnh, gia Phụ tử 1 củ.

“CẬN HIỆU” TRUẬT PHỤ THANG

Trị phong hư, đầu nặng, choáng váng, khốn khổ tột độ, không biết mùi đồ ăn, ẩm cơ nhục, bổ trung, ích tinh khí.

Bạch truật : 2 lạng Cam thảo : 1 lạng (nướng)

Phụ tử : 1 củ rưỡi (bào, bỏ vỏ)

Tước nhỏ, mỗi lần dùng 5 đồng tiền xúc, 5 lát gừng, 1 quả táo, 1 chén rưỡi nước, đun còn 7 phân, bỏ bã, uống nóng.

THÔI THỊ BÁT VỊ HOÀN

Cần địa hoàng : 8 lạng Sơn thù du : 4 lạng

Thự dự : 4 lạng Trạch tả : 3 lạng

Phục linh : 3 lạng Quế chi : 1 lạng

Phụ tử (bào) : 1 lạng Mẫu đơn bì : 3 lạng

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt Ngô đồng. Uống với rượu 15 hoàn. Ngày uống 2 lần.

“THIÊN KIM” VIỆT TÝ GIA TRUẬT THANG

Trị nội nhiệt tột độ, tân dịch thoát, tẩu lý mở, hãn tiết ra nhiều.

Ma hoàng : 6 lạng Thạch cao : nửa cân

Sanh cương : 3 lạng Cam thảo : 2 lạng

Bạch truật : 4 lạng Đại táo : 15 quả

Dùng 6 thăng nước, trước đun Ma hoàng, gạt bỏ bọt cho các thuốc kia vào, đun còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 3 lần. Sợ gió, gia Phụ tử 1 củ.

THIÊN THỨ SÁU

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH HUYẾT TÝ HƯ LAO

ĐIỀU 1

Hỏi : Bệnh huyết tỳ do đâu mà có ?

Thầy nói : Người sang trọng, xương yếu, cơ nhục, bì thận, nhân mỗi mệ, nhọc nhằn, mồ hôi ra, nắm bất tỉnh linh đay động, thêm bị gió nhẹ, bèn mắc phải. Nhưng vì mạch Vi, Sáp, ở Thốn Khẩu, trên bộ Quan mạch Tiểu, Khẩn. Nên châm dẫn dương khí, khiến cho mạch hòa, hết Khẩn thời lành.

ĐIỀU 2

Huyết tỳ, mạch Âm, Dương đều Vi, Thốn khẩu, bộ Quan mạch Vi, trong bộ Xích mạch Tiểu, Khẩn. Chứng ngoài : thân thể bất nhân (tê dại) giống như phong tỳ. Hoàng kỳ, Quế chi ngũ vật thang chủ về bệnh ấy.

HOÀNG KỶ, QUẾ CHI, NGŨ VẬT THANG PHƯƠNG

Hoàng kỳ : 3 lạng Thục dược : 3 lạng

Quế chi : 3 lạng Sanh cương : 6 lạng

Đại táo : 12 quả

Sáu thăng nước, đun lấy 2 thăng, uống nóng 7 hiệp. Ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 3

Người con trai bình thường, mạch Đại và Lao, cực hư cũng là Lao.

ĐIỀU 4

Con trai, sắc mặt trắng dợt, không thần, chủ về khay và vong huyết, thoát nhiên suyễn và Tâm quý (sợ sệt), mạch Phù là Lý hư vậy.

ĐIỀU 5

Con trai, mạch Hư, Trầm, Huyền, không nóng, lạnh, hơi thở ngắn, lý cấp, tiểu tiện không lợi, sắc mặt trắng, thường thường mắt hoa và Nục (máu cam) Thiếu phúc đầy, đó là Lao.

ĐIỀU 6

Bệnh Lao, mạch Phù, Đại, tay chân phiền (bứt rứt khó chịu), xuân hạ nặng, thu đông giảm, âm hàn (dương vật lạnh), tinh tự ra, chân đau buốt, tiêu gầy không đi được.

ĐIỀU 7

Con trai, mạch Phù, Nhược mà Sáp, là không con, tinh khí thanh lãnh.

ĐIỀU 8

Thất tinh gia (chỉ người thường mộng tinh, hoạt tinh), thiếu phúc huyền cấp (trạng thái căng thẳng khó chịu bên trong, như tinh muốn ra), âm đầu lạnh, mắt hoa lên, tóc rụng, mạch Khổng, Trì, cực hư, là hạ lợi thanh cốt (ỉa sống phân), vong huyết, thất tinh. Các mạch, Khổng, Động, Vi, Khẩn, ở con trai là thất tinh, ở con gái thấy giao trong mộng, Quế chi, Long cốt, Mẫu lệ thang chủ về bệnh ấy.

“Tiểu phẩm” nói : người hư nhiệt, có phù nhiệt, hãn ra, bỏ Quế gia Bạch vi, Phụ tử đều 3 phân.

Gọi là Nhị gia Long cốt thang.

Quế chi : 3 lạng Thược dược : 3 lạng

Sanh cương : 3 lạng Cam thảo : 3 lạng

Đại táo : 12 quả Long cốt : 3 lạng

Mẫu lệ : 3 lạng

7 thăng nước đun còn 3 thăng, uống nóng 3 lần.

THIÊN HÙNG TÁN PHƯƠNG

Thiên hùng : 3 lạng (bào) Bạch truật : 8 lạng

Quế chi : 6 lạng Long cốt : 3 lạng

Nghiền bột, uống với rượu nửa đồng tiền xúc, ngày 3 lần, không bớt, uống tăng lên chút ít.

Xét : Phương này không nói về chứng chủ trị. Cứ theo Phương dược khảo nói : Đây là phương bổ dương nhiếp âm, trị con trai mất tinh, thất lạng, đầu gối lạnh.

ĐIỀU 9

Con trai bình thường, mạch Vi, Nhược, Tế, Vi hay ra mồ hôi trộm.

ĐIỀU 10

Người năm, sáu mươi, mắc bệnh, mạch Đại, 2 bên xương sống có cảm giác tê dại, nếu ruột kêu, sinh Mã đao (kết hạch dưới nách) và Anh (kết hạch ở 2 bên cổ) đều là Lao.

ĐIỀU 11

Mạch Trầm, Tiểu, Trì, tên là thoát khí, người bệnh đi mau thời khí suyễn, tay chân nghịch lãnh bụng đầy, quá lắm thời đường tiết (đại tiện nát) ăn không tiêu hóa.

ĐIỀU 12

Mạch Huyền mà Đại, Huyền thời là giảm, Đại thời là Khổng (Khâu). Giảm thời là hàn, Khổng thời là hư. Hư, hàn chọi nhau. đó tên là Cách, đàn bà thời bán sản (để non), lậu hạ (1), con trai thời vong huyết, thất tinh.

(1) Lậu hạ có 2 nghĩa : 1 là đàn bà, con gái lúc hành kinh bị hạ huyết, dây dưa không dứt. 2 là trong khi có thai bị hạ huyết - Còn gọi là thai lậu.

ĐIỀU 13

Hư lao lý cấp (1) Quý, Nục, trong bụng đau, mộng mất tinh, tứ chi nhừic buốt, tay chân phiền nhiệt, họng khô, miệng ráo, Tiểu kiến trung thang chủ về bệnh ấy.

(1) Chỉ thiếu phúc có cảm giác câu cấp nhưng ấn vào, không rắn.

TIỂU KIẾN TRUNG THANG PHƯƠNG

Quế chi : 3 lạng (bỏ vỏ) Cam thảo : 1 lạng (nướng)

Đại táo : 12 quả Thược dược : 6 lạng

Sanh cương : 3 lạng Giao di : 1 thăng

Dùng 7 thăng nước, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, cho Giao di vào, lại đun nhỏ lửa cho tan ra, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

Ấu gia (người hay ói) không thể dùng Kiến trung thang, vì nó ngọt.

“Thiên kim” : Trị con trai, con gái nhân chứa lạnh, khí trệ, hoặc sau khi bệnh nặng không trở lại bình thường, tay chân nặng nề, cốt nhục đau buốt, thờ ít khí, hành động thời khí suyễn, hung đầy khí cấp, thất lạng, lưng đau cứng, trong Tâm hư quý, họng khô, môi ráo, mặt ít sắc, hoặc ăn uống không biết mùi, hông, bụng trướng, đầu nặng, không ngược lên được, phần nhiều nằm ít dậy, quá lắm thời cả năm, nhẹ thời 100 ngày, dẫn đến gây yếu, khí 5 tạng kiệt, thời khó trở lại bình thường, 6 mạch đều không đủ sức, hư hàn, thiếu khí, thiếu phúc câu cấp, xương sống gây gục, 100 bệnh sinh ra, dùng Hoàng kỳ Kiến trung thang, lại có Nhân sâm 2 lạng.

ĐIỀU 14

Hư lao, lý cấp, âm dương đều không đủ. Hoàng kỳ Kiến trung thang chủ về bệnh ấy.

HOÀNG KỶ KIẾN TRUNG THANG

Tức Tiểu kiến trung gia Hoàng kỳ 1 lượng rượu. Ngoài ra, theo phép của Tiểu kiến trung. Thở ngắn, hung đầy gia Sinh cương, bụng đầy, bỏ Táo gia Phục linh 1 lượng rượu. Và trị Phế hư tổn, không đủ, bổ khí, gia Bán hạ 3 lượng.

ĐIỀU 15

Hư lao, thất lượng đau, thiếu phúc câu cấp, tiểu tiện không lợi. Bất vị Thận khí hoàn chủ về bệnh ấy.

THẬN KHÍ HOÀN PHƯƠNG

Càn địa hoàng : 8 lượng Sơn dược : 4 lượng

Sơn thù du : 4 lượng Trạch tả : 3 lượng

Đơn bì : 3 lượng Phục linh : 3 lượng

Quế chi : 1 lượng Phụ tử (bào) : 1 lượng

Nghiên bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt Ngô đồng, uống với rượu 15 hoàn, thêm lần đến 20 hoàn. Ngày uống 2 lần.

ĐIỀU 16

Hư lao, âm dương đều không đủ, trâm tật phong khí Thụ dự hoàn chủ về bệnh ấy.

THỤ DỰ HOÀN PHƯƠNG

Thụ dự : 3 chỉ Đương quy : 1 chỉ

Quế chi : 1 chỉ Thần khúc : 1 chỉ

Càn địa hoàng : 1 chỉ Đâu hoàng quyền : 1 chỉ

Cam thảo : 2 chỉ rượu Nhân sâm : 7 phân

Khung cung : 6 phân Thược dược : 6 phân

Bạch truật : 6 phân Mạch môn đông : 6 phân

Hạnh nhân : 6 phân Sài hồ : 5 phân

Cát cánh : 5 phân Phục linh : 5 phân

A giao : 7 phân Càn cương : 3 phân

Bạch liễm : 2 phân Phòng phong : 6 phân

Đại táo : 100 quả (làm cao)

Nghiên bột, luyện mật làm hoàn như hòn đạn lớn, uống bụng đói với rượu 1 hoàn, 100 hoàn làm 1 tếp.

ĐIỀU 17

Hư lao, hư phiền không ngủ được. Toan táo nhân thang chủ về bệnh ấy.

TOAN TÁO NHÂN THANG PHƯƠNG

Toan táo nhân : 2 thăng Cam thảo : 1 lượng

Tri mẫu : 2 lượng Phục linh : 2 lượng

Khung cung : 2 lượng

Dùng 8 thăng nước đun Toan táo nhân lấy 6 thăng, cho các thuốc vào, đun lấy 3 thăng, uống nóng 3 lần.

ĐIỀU 18

Ngũ lao hư tốt, gầy còm, bụng đầy, không ăn uống được, thực thương, ưu thương, ẩm thương, cơ thương, kinh lạc, vinh vệ khí thương, trong có huyết khô, da dẻ sù sì, 2 mắt đen sẫm. Hoàn trung, bổ hư, dùng Đại hoàng, Giá trùng hoàn chủ về bệnh ấy.

ĐẠI HOÀNG, GIÁ TRÙNG HOÀN PHƯƠNG

Đại hoàng : 1 chỉ (chưng) Hoàng cầm : 2 lượng

Cam thảo : 3 lượng Đào nhân : 1 thăng

Hạnh nhân : 1 thăng Thược dược : 4 lượng

Càn tất : 1 lượng Manh trùng : 1 thăng

Thúy điệt : 100 con Tề tào : 1 thăng

Giá trùng : nửa thăng

Nghiên bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt Tiểu đậu, uống với rượu 5 hoàn. Ngày uống 3 lần.

PHỤ PHƯƠNG

“THIÊN KIM DƯỢC” CHÍCH CAM THẢO THANG

Trị hư lao bất túc, hãn ra mà buồn bực, mạch Kết, hồi hộp, hành động như thường, không sống quá 100 ngày nguy cấp, 11 ngày chết.

Cam thảo : 4 lượng (nướng) Quế chi : 3 lượng

Sinh cương : 3 lượng Mạch môn : nửa thăng

Ma nhân : nửa thăng Nhân sâm : 2 lượng

A giao : 2 lượng Đại táo : 30 quả
Sinh địa hoàng : 1 thăng
Dùng 7 thăng rượu, nước 8 thăng, trước đun 8 vị, lấy 3 thăng, bỏ ba, cho A giao vào tiêu hết, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.
"Trừu hậu" LẠI CAN TÂN
Trị lãnh lao, cũng chủ trị quỷ chú truyền nhiễm.
Lại can (gan rái cá) 1 cổ
Nướng khô, nghiền bột, uống 1 muống với nước. Ngày uống 3 lần.

THIÊN THỨ BẢY

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH PHẾ NUY, PHẾ UNG, KHÁI THẦU, THƯỢNG KHÍ

ĐIỀU 1

Hỏi : Nhiệt ở thượng tiêu, nhân ho, thành Phế nuy. Bệnh Phế nuy, do đâu mà có ?
Thầy nói : Hoặc do hãn ra, hoặc do ới mưa, hoặc do tiêu khát, tiểu tiện lợi, đi luôn, hoặc do đại tiện khó, lại bị hạ lợi quá nhiều trùng vong tân dịch (tân dịch mất nhiều lần), cho nên mắc phải.
Hỏi : Thốn khẩu mạch Sác, người bệnh ho, trong miệng lại có nước dãi, nước bọt đục, là cơ sao ?

Thầy nói : Là bệnh Phế nuy. Nếu trong miệng ráo, lúc ho trong bụng đau ngăm ngăm, mạch trở lại Hoạt, Sác, đó là Phế ung, ho, nhổ ra máu, mủ.
Mạch Sác, Hư, là Phế nuy, Sác, Thực là Phế Ung.

ĐIỀU 2

Hỏi : Bệnh Khái nghịch, chắn mạch, sao biết đó là Phế ung ? Đang có máu mủ, thổ đi thời chết, là mạch tượng gì ?
Thầy nói : Thốn khẩu mạch Vi, Vi thời là Phong, Sác thời là nhiệt. Vi thời là hãn ra, Sác thời ghét lạnh. Phong vào vệ, thì thờ ra được, hít vào không được, nhiệt quá ở vinh hít vào được nhưng hơi thờ không ra được. Phong thương bì mao, nhiệt thương huyết mạch. Phong lưu lại Phế, người bệnh ho, miệng khô, sưng đầy, họng ráo, không khát, nhổ ra nhiều đàm đặc, thường thường lạnh run. Nóng quá, huyết ngưng trệ, chứa kết lại thành mủ, thổ như cháo gạo. Giai đoạn đầu có thể cứu, mủ thành thời chết.

ĐIỀU 3

Thượng khí, mặt phù thũng, thờ rút vai, mạch Phù, Đại, bắt trị, lại thêm lợi quá lắm.

ĐIỀU 4

Thượng khí, Suyễn mà táo, thuộc Phế trưởng, muốn thành phong thủy, phát hãn thời lành.

ĐIỀU 5

Phế nuy, thổ bọt dãi mà không ho, người bệnh không khát, hãn són đái, tiểu tiện đi luôn, sờ dĩ như vậy vì thượng tiêu (khí) hư không thể chế được (âm thủy ở) hạ tiêu. Đó là trong Phế lạnh, tất choáng váng, nhiều bọt dãi. Cam thảo, Càn cương thang ôn đi. Nếu uống rồi, khát, thuộc Tiêu khát.

CAM THẢO, CÀN CƯƠNG THANG PHƯƠNG

Cam thảo : 4 lượng (nướng) Càn cương : 2 lượng (bào)
Xé nhỏ, dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng, 5 hiệp, bỏ bã, uống nóng 2 lần.

ĐIỀU 6

Ho mà thượng khí, trong hầu có tiếng thủy kê (gà nước), Xạ can, Ma hoàng thang chủ về bệnh ấy.

XẠ CAN, MA HOÀNG THANG PHƯƠNG

Xạ can : 3 lượng Ma hoàng : 4 lượng
Sanh cương : 4 lượng Tế tân : 3 lượng
Tử uyển : 3 lượng Khoán đồng ba : 3 lượng
Đại táo : 7 quả Bán hạ : 8 củ (củ lớn, rửa)
Ngũ vị tử : nửa thăng

Dùng 1 đấu 2 thăng nước, trước đun Ma hoàng sôi 2 dạo, gạt bỏ bọt, cho các thuốc vào đun lấy 3 thăng. Uống nóng 3 lần.

ĐIỀU 7

Ho nghịch, thượng khí, thường thường thổ đàm đặc, chỉ ngồi, không ngủ được. Tạo giáp hoàn chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 8

Khái mà mạch Phù, Hậu phác, Ma hoàng thang chủ về bệnh ấy.

HẬU PHÁC, MA HOÀNG THANG PHƯƠNG

Hậu phác : 5 lạng Ma hoàng : 4 lạng

Thạch cao : bằng trứng gà Hạnh nhân : nửa thăng

Bán hạ : nửa thăng Càn cương : 2 lạng

Tế tân : 2 lạng Tiểu thạch : 1 thăng

Ngũ vị tử : nửa thăng

Dùng 1 đấu 2 thăng nước, trước sắc Tiểu mạch chín, bỏ bã, cho các thuốc vào đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày 3 lần.

ĐIỀU 9

Mạch Trầm, Trạch tất thang, chủ về bệnh ấy.

TRẠCH TẤT THANG PHƯƠNG

Bán hạ : nửa thăng Tử sâm : 5 lạng

Trạch tất : 3 cân (dùng nước chấy về Đông 3 đấu đun còn 1 đấu 5 thăng)

Sanh cương : 5 lạng Bạch tiền : 5 lạng

Cam thảo : 3 lạng Hoàng cầm : 3 lạng

Nhân sâm : 3 lạng Quế chi : 3 lạng

Tước nhỏ, cho vào nước Thực tất, đun lấy 5 thăng, uống nóng 5 hiệp, đến đêm, hết.

ĐIỀU 10

Hỏa nghịch thượng khí, yết hầu không lợi, chỉ hạ khí, Mạch đông thang chủ về bệnh ấy.

MẠCH MÔN ĐÔNG THANG PHƯƠNG

Mạch môn đông : 7 thăng Bán hạ : 1 thăng

Nhân sâm : 3 lạng Cam thảo : 2 lạng

Ngạch mễ : 3 hiệp Đại táo : 12 quả

Dùng 1 đấu, 2 thăng nước, đun lấy 6 thăng, ngày uống 3 lần, đêm uống 1 lần.

ĐIỀU 11

Phế ung, Suyễn không nằm được, Đình lịch, Đại táo tả Phế thang chủ về bệnh ấy.

ĐÌNH LỊCH, ĐẠI TÁO TẢ PHẾ THANG PHƯƠNG

Đình lịch : (rang có màu vàng, làm hoàn như viên đạn)

Đại táo 12 quả

Dùng 3 thăng nước, đun Táo lấy 2 thăng, bỏ Táo, cho Đình lịch vào, đun lấy 1 thăng, uống hết 1 lần.

ĐIỀU 12

Ho mà hung đầy, lạnh run, mạch Sác, họng khô không khát, thường thổ ra đàm, mũi hôi tanh, lâu lâu thổ ra mũi như cháo gạo, là Phế ung. Cát cánh thang chủ về bệnh ấy.

CÁT CÁNH THANG PHƯƠNG

Cát cánh : 1 lạng Cam thảo : 2 lạng

Dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng, uống nóng 2 lần, thổ ra mũi.

ĐIỀU 13

Ho mà khí lên, đó là Phế trướng, người bệnh suyễn, mắt dấp như thoát, mạch Phù, Đại, Việt tỳ gia Bán hạ thang chủ về bệnh ấy.

VIỆT TỶ GIA BÁN HẠ THANG PHƯƠNG

Ma hoàng : 6 lạng Thạch cao : nửa cân

Sanh cương : 3 lạng Đại táo : 15 quả

Cam thảo : 2 lạng Bán hạ : nửa cân

Dùng 6 thăng nước, trước đun Ma hoàng, gạt bỏ bọt, cho các thuốc vào, đun lấy 3 thăng, chia 3, uống nóng.

PHỤ TRƯỞNG

“Ngoại đài” **CHÍCH CAM THẢO THANG** : Trị Phế nuy, đàm dãi nhiều, trong Tâm nùng nực khó chịu (xem thiên Hư lao).

“Thiên kim” **CAM THẢO THANG** : **CAM THẢO**

Dùng 3 thăng nước, đun giảm 1 nửa. Phân uống nóng 3 lần.

“Thiên kim” **SANH CƯƠNG CAM THẢO THANG** : Trị Phế nuy, ho thổ ra bọt dãi không ngọt, họng ráo mà khát.

Sanh cương : 5 lạng Nhân sâm : 3 lạng

Cam thảo : 4 lạng Đại táo : 15 quả

Dùng 7 thăng nước, đun còn 3 thăng, chia 3 lần, uống nóng.

“Thiên kim” QUẾ CHI KHỬ THƯỢC DƯỢC GIA TẠO GIÁP THANG

Trị Phế nuy thổ ra bọt dãi.

Quế chi : 3 lạng Sanh cương : 3 lạng

Cam thảo : 2 lạng Đại táo : 10 quả

Tạo giáp : 1 quả (bỏ vỏ, nướng sém)

Dùng 7 thăng nước, đun lửa nhỏ, lấy 3 thăng, uống nóng 3 lần.

“Ngoại đài” CÁT CẢNH, BẠCH VI TÁN : Trị ho mà hung đầy, lạnh run, mạch Sác, họng khô, không khát, thường ra bọt dãi tanh hôi, lâu lâu thổ ra mủ như cháo gạo, là Phế nuy.

Cát cánh : 3 phân Bối mẫu : 3 phân

Bã đậu : 1 phân (bỏ vỏ, rang, nghiền nát như mỡ)

Làm tán, người mạnh uống 1 đồng tiền xúc, người yếu giảm bớt. Bệnh ở trên cách, thổ ra mủ, ở dưới cách, tả ra, nếu hạ nhiều không dứt, uống 1 chén nước lạnh, dứt.

“Thiên kim” VI HÀNH THANG : Trị ho, có hơi nhiệt, phiền đầy, trong hung ngày ngạt khó chịu, là tà thấp, nhiệt kết ở Phế, thành Phế ung.

Vi hành : 2 thăng Ý dĩ nhân : nửa thăng

Đào nhân : 50 hạt Qua biện : nửa thăng

Dùng 1 đấu nước, trước đun Vi hành, lấy 5 thăng, bỏ bã, cho các thuốc vào, đun lấy 2 thăng, uống 1 thăng, lại uống, thổ ra như mủ.

ĐIỀU 15

Phế ung, hung đầy trướng, khắp mình, mặt, mắt phù thũng, mũi ngạt, nước mũi trong chảy, không biết thơm thối, chua, cay, ho nghịch, khí lên, suyễn lên khò khè, Đình lịch, Đại táo tả Phế thang chủ về bệnh ấy.

Vưu Tại Kính nói : “Phương về nguyên trị Phế ung suyễn không nằm được, đây kiêm có mặt, mắt phù thũng, mũi ngạt, chảy nước mũi, thời phế có biểu tà, nên tán. Cho nên trước uống Tiểu thang long 1 tể, sau mới uống thang này”.

THIÊN THỨ TÁM

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ KHÍ BÔN ĐỒN

ĐIỀU 1

Thầy nói : Bệnh có Bôn đồn, có thổ mủ, sợ, có hỏa tà đó là 4 bộ lệnh, đều do ở sợ mà phát ra.

Thầy nói : Bệnh Bôn đồn từ thiếu phúc nổi dậy, xung lên yết hầu, phát ra muốn chết, trở lại dừng, đều do kinh sợ mắc phải.

ĐIỀU 2

Khí Bôn đồn xung lên hung, bụng đau, nóng lạnh qua lại. Bôn đồn thang chủ về bệnh ấy.

BÔN ĐỒN THANG PHƯƠNG

Cam thảo : 2 lạng Khung cung : 2 lạng

Đương quy : 2 lạng Bán hạ : 4 lạng

Hoàng cầm : 2 lạng Sanh cát : 5 lạng

Thược dược : 2 lạng Sanh cương : 4 lạng

Cam lý căn bạch bì : 1 thăng

Dùng 2 đấu nước, đun lấy 5 thăng, uống nóng 1 thăng. Ngày uống 3 lần, đêm 1 lần.

ĐIỀU 3

Phát hàn rồi, thiêu châm cho hãn ra, chỗ châm bị hàn, hạch nổi mà đỏ, tất phát Bôn đồn, khí từ thiếu phúc lên đến Tâm, cứu trên hạch 1 trảng. Quế chi gia Quế thang chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI GIA QUẾ THANG PHƯƠNG

Quế chi : 5 lạng Thược dược : 3 lạng

Cam thảo : 2 lạng (nướng) Sanh cương : 3 lạng

Đại táo : 12 quả

Dùng 7 thăng nước, chụm lửa nhỏ, đun còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng.

ĐIỀU 4

Phát hàn rồi, dưới rốn quý, muốn làm Bôn đồn, Phục linh, Quế chi, Cam thảo, Đại táo thang chủ về bệnh ấy.

PHỤC LINH, QUẾ CHI, CAM THẢO, ĐẠI TÁO THANG PHƯƠNG

Phục linh : nửa cân Cam thảo : 2 lạng (nướng)

Đại táo : 15 quả Quế chi : 4 lạng

Dùng 1 đấu Cam lan thủy, trước đun Phục linh, giảm 2 thăng, cho các thuốc vào, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

PHÉP LÀM CAM LAM THỦY : Lấy 2 đấu nước cho vào chậu, dùng cây khuấy mãi, lúc nào trên mặt nước nổi lên hàng ngàn bong bóng đuổi nhau. Lấy nước đun thuốc.

THIÊN THỨ CHÍN

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH HUNG TÝ, TÂM THỐNG, ĐOÀN KHÍ

ĐIỀU 1

Thầy nói : Ân mạch thấy thái quá, bất cập, Dương Vi, Âm Huyền, tức là Hung tê và đau. Sở dĩ như thế, tránh ở cực hư vậy. Giờ dương hư, biết ở thượng tiêu, sở dĩ hung tý, Tâm thống vì âm Huyền vậy.

ĐIỀU 2

Người bình thường, không nóng lạnh, hơi ngắn không đủ thở, là thực vậy.

ĐIỀU 3

Bệnh hung tý, suyễn tức, khái thóa, hung, lợng, đau, hơi ngắn, Thốn khẩu mạch Trầm mà Tri, trên bộ Quan, Tiểu, Khẩn, Sác. Quát lâu, Phỉ bạch, Bạch tửu thang chủ về bệnh ấy.

QUÁT LÂU, PHỈ BẠCH, BẠCH TỬU THANG PHƯƠNG

Quát lâu thực : 1 củ (giã nát) Phỉ bạch : nửa thăng

Bạch tửu : 7 thăng

Cùng đun lấy 2 thăng, chia 2 lần, uống nóng.

ĐIỀU 4

Hung tý, không nằm được, Tâm đau suốt tới lợng, Quát lâu, Phỉ bạch, Bán hạ thang chủ về bệnh ấy.

QUÁT LÂU, PHỈ BẠCH, BÁN HẠ THANG PHƯƠNG

Quát lâu thực : 1 củ (giã nát) Phỉ bạch : 3 lạng

Bán hạ : nửa thăng Bạch tửu : 1 đấu

Cùng đun lấy 4 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 5

Hung tý, trong Tâm có bĩ khí, khí kết ở hung, dưới hiệp khí nghịch lên hung, Chỉ thực, Phỉ bạch, Quế chi thang chủ về bệnh ấy. Nhân sâm thang cũng chủ về bệnh ấy.

CHỈ THỰC, PHỈ BẠCH, QUẾ CHI THANG PHƯƠNG

Chỉ thực : 4 quả Hậu phác : 4 lạng

Phỉ bạch : nửa thăng Bạch truật : 3 lạng

Quát lâu thực : 1 quả (giã nát)

Dùng 5 thăng nước, trước đun Chỉ thực, Hậu phác, lấy 2 thăng, bỏ bã, cho các thuốc vào, đun sôi vài dạo, chia 3 lần uống nóng.

NHÂN SÂM THANG PHƯƠNG

Nhân sâm : 3 lạng Cam thảo : 3 lạng

Cần cương : 3 lạng Bạch truật : 3 lạng

8 thăng nước, đun còn 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 6

Hung tý, trong hung khí lấp, hơi ngắn, Phục linh, Hạnh nhân, Cam thảo thang chủ về bệnh ấy.

Quát lâu, Chỉ, Cương thang cũng chủ về bệnh ấy.

PHỤC LINH, HẠNH NHÂN, CAM THẢO THANG PHƯƠNG

Phục linh : 3 lạng Hạnh nhân : 50 hạt

Cam thảo : 1 lạng

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 5 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần, không bớt, lại uống.

QUÁT, CHỈ, CƯƠNG THANG PHƯƠNG

Quất bì : 1 cân Chỉ thực : 3 lượng
Sanh cương : nửa cân
Dùng 5 thăng nước, đun lấy 2 thăng, uống nóng 2 lần.

ĐIỀU 7

Hung tý hoãn cấp, Ý dĩ, Phụ tử tán chủ về bệnh ấy.

Ý DĨ, PHỤ TỬ TÁN PHƯƠNG

Ý dĩ nhân : 15 lượng Đại phụ tử : 10 củ (bào)
Nghiền bột, mỗi lần uống 1 muống, ngày 3 lần.

ĐIỀU 8

Trong Tâm (1) buổi, các chứng nghịch (2). Tâm huyền thống (3), Quế chi, Sanh cương, Chỉ thực chủ về bệnh ấy.

(1) Trong Tâm, đây là dưới Tâm, chỉ Vy, ý nói Vy có cảm giác bí muện.

(2) Chỉ các loại thủy ẩm hoặc hàn tà xung nghịch lên.

(3) Chỉ bộ phận từ chánh thủy đau nhức kéo lên trên.

QUẾ CHI, SANH CƯƠNG, CHỈ THỰC THANG PHƯƠNG

Quế chi : 3 lượng Sanh cương : 3 lượng

Chỉ thực : 5 quả

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 3 thăng, uống nóng 3 lần.

ĐIỀU 9

Tâm đau suốt đến lưng, lưng đau suốt đến Tâm, Ô đầu, Xích thạch chi hoàn chủ về bệnh ấy.

Ô ĐẦU, XÍCH THẠCH CHI HOÀN PHƯƠNG

Thực tiêu : 1 lượng Ô đầu (bào) : 1 phân

Phụ tử (bào) : nửa lượng Càn cương : 1 lượng

Xích thạch chi : 1 lượng

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt Ngô đồng, trước khi ăn, uống 1 hoàn, ngày 3 lần, uống tăng lên chút ít.

PHỤ PHƯƠNG

CỨU THÔNG HOÀN : Trị chín loại Tâm thống

Phụ tử : 3 lượng (bào) Sanh lang nha : 1 lượng (nướng)

Nhân sâm : 1 lượng Càn cương : 1 lượng

Ngô thù du : 1 lượng

Bã đậu : 1 lượng (bỏ vỏ, tim, rang, nghiền nát như mỡ)

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt Ngô đồng, uống với rượu. Người mạnh ban đầu uống 3 hoàn, ngày 3 lần, người yếu, 2 hoàn. Kiên trì thoát trúng ác, bụng trướng đau, miệng không nói được, lại trị tích lãn lâu năm, Lưu chú tâm thống, và khí lạnh xung lên, rơi ngựa, té xe, huyết tật, đều dùng làm chủ. Kỵ ăn như phép thường.

THIÊN THỨ MƯỜI

MẠCH CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỤNG ĐẦY, HÀN SÁN, TỨC THỰC

ĐIỀU 1

Trật dương, mạch Vi, Huyền, phép nên bụng đau, không đầy, đại tiện khó, 2 bên sườn đau nhức, đó là hư hàn từ dưới lên, nên dùng ôn dược uống đi.

ĐIỀU 2

Người bệnh bụng đầy, đè tay vào không đau là hư, đau là thực, có thể hạ đi. Lưỡi vàng chưa hạ, hạ đi, vàng tự hết.

ĐIỀU 3

Bụng đầy có lúc giảm, trở lại như cũ, đó là hàn, nên dùng ôn dược.

ĐIỀU 4

Người bệnh Nuy hoàng (sắc khô vàng, ẩm đậm, không có thần), táo mà không khát. Trong hung hàn thực, mà lợi không dứt, chết.

ĐIỀU 5

Thốn khẩu mạch Huyền, tức dưới hiếp câu cấp mà đau người bệnh rờn rợn ghét lạnh.

ĐIỀU 6

Người trúng hàn hay ngáp, nước mũi trong chảy ra, phát sốt, sắc mặt bình thường, hay hắt hơi.

ĐIỀU 7

Trúng hàn, người bệnh hạ lợi, vì lý hư, muốn hắt hơi không được, đó là Vy hàn.

ĐIỀU 8

Người ốm, chung quanh rồn đau, tất có phong lãnh, cốc khí không tiêu hóa, mà lại hạ đi, khí hãn xung lên, không xung lên thời dưới Tâm bĩ.

ĐIỀU 9

Bệnh hung đầy, phát sốt 10 ngày, mạch Phù mà Sác, ăn uống như thường. Hậu phác thất vật thang chủ về bệnh ấy.

HẬU PHÁC THẤT VẬT THANG PHƯƠNG

Hậu phác : nửa cân Cam thảo : 3 lạng

Đại hoàng : 3 lạng Đại táo : 10 quả

Chỉ thực : 5 quả Quế chi : 2 lạng

Sanh cương : 5 lạng

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 4 thăng, uống nóng 8 hiệp, ngày 3 lần. Ụa, gia Bán hạ 5 hiệp, hạ lợi, bỏ Đại hoàng, lạnh nhiều, gia Sanh cương nửa cân.

ĐIỀU 10

Trong bụng có khí lạnh, kêu như sấm, đau buốt, hung hiệp nghịch đầy, ói mửa. Phụ tử, ngạnh mẽ thang chủ về bệnh ấy.

PHỤ TỬ, NGẠNH MỄ THANG PHƯƠNG

Phụ tử : 1 củ (bào) Bán hạ : nửa thăng

Ngạnh mẽ : nửa thăng Cam thảo : 1 lạng

Đại táo : 10 quả

Dùng 8 thăng nước, đun Ngạnh mẽ chín là được, bỏ bã, uống nóng 1 thăng. Ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 11

Đau mà bế (đại tiện không thông), Hậu phác, tam vật thang chủ về bệnh ấy.

HẬU PHÁC, TAM VẬT THANG PHƯƠNG

Hậu phác : 8 lạng Đại hoàng : 4 lạng

Chỉ thực : 5 quả

Dùng 1 đấu, 2 thăng nước, trước đun 2 vị, lấy 5 thăng, cho Đại hoàng vào đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, lợi rồi thôi.

ĐIỀU 12

Đè tay vào, dưới Tâm đầy, đau, đó là thực vậy, nên hạ đi, nên dùng Đại sài hồ thang.

ĐẠI SÀI HỒ THANG PHƯƠNG

Sài hồ : nửa cân Hoàng cầm : 3 lạng

Thược dược : 3 lạng Bán hạ (rửa) : nửa thăng

Chỉ thực (nướng) : 4 quả Đại hoàng : 4 lạng

Đại táo : 12 quả Sanh cương : 5 lạng

Dùng 1 đấu, 2 thăng nước, đun lấy 6 thăng, bỏ bã, lại đun, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 13

Bụng đầy không giảm, giảm không đáng kể, nên cần hạ đi, nên dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 14

Trong hung, trong Tâm đau, lạnh lắm, ói, không ăn được, trong bụng lạnh, hàn khí xung lên, da bụng nổi lên xuất hiện có đầu, có chân, trên dưới đau không thể sờ tay vào gần. Đại kiến trung thang chủ về bệnh ấy.

ĐẠI KIẾN TRUNG THANG PHƯƠNG

Thực tiêu (sao bỏ mồ hôi) : 2 hiệp Càn cương : 4 lạng

Nhân sâm : 2 lạng

Dùng 4 thăng nước, đun còn 2 thăng, bỏ bã, cho Giao di vào 1 thăng, đun nhỏ lửa, lấy 1 thăng rưỡi, chia 2 lần, uống nóng, chập lâu có thể ăn 2 thăng cháo, sau lại uống.

ĐIỀU 15

Riêng dưới hiệp đau, phát nóng, mạch Khẩn, Huyền. Đó là Hàn vậy. Dùng Ôn dược hạ đi. Nên dùng Đại hoàng, Phụ tử thang phương.

ĐẠI HOÀNG, PHỤ TỬ THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 3 lạng Phụ tử (bào) : 3 quả

Tế tân : 2 lạng

Dùng 5 thăng, đun lấy 2 thăng, chia 3 lần, uống nóng. Nếu người mạnh, đun lấy 2 thăng rượu, chia 3 lần uống nóng. Uống rồi, đợi 1 giờ sau, uống lần nữa.

ĐIỀU 16

Hàn khí quyết nghịch, Xích hoàn chủ về bệnh ấy.

XÍCH HOÀN PHƯƠNG

Phục linh : 4 lạng Bán hạ (rửa) : 4 lạng

Ô đầu : 2 lạng Tế tân : 1 lạng

Nghiền bột, cho Châu sa vào làm màu, luyện mật làm hoàn bằng viên đạn, trước bữa ăn, uống với rượu 3 hoàn. Ngày đêm, uống 1 lần. Chưa bớt, uống tăng lên chút ít. Uống đến bớt mới thôi.

ĐIỀU 17

Bụng đau, mạch Huyền mà Khẩn. Huyền thời Vệ khí không hành, tức ghét lạnh, Khẩn thời không muốn ăn, tà chánh chọi nhau tức là Hàn sán.

Hàn sán đau quanh rốn, nếu phát lên thì ra mồ hôi trắng (vã mồ hôi vì đau kịch liệt quá), tay chân quyết lạnh, mạch Trầm, Khẩn. Đại ô đầu tiên chủ về bệnh ấy.

ĐẠI Ô ĐẦU TIÊN PHƯƠNG

Đại ô (thứ lớn) : 5 củ (rang, bỏ vỏ, không xé)

Dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng, bỏ bã, cho vào 2 thăng mật, điều_ cho bay hết hơi nước, lấy 2 thăng, người mạnh uống 7 hiệp. Không bớt, ngày sau lại uống. 1 ngày không được uống 2 lần.

ĐIỀU 18

Hàn sán, trong bụng đau và hiếp đau, lý cấp, Đương quy, Sanh cương, Dương nhục thang chủ về bệnh ấy.

ĐƯƠNG QUY, SANH CƯƠNG, DƯƠNG THỰC THANG PHƯƠNG

Đương quy : 3 lạng Sanh cương : 5 lạng

Dương nhục : 1 cân

Dùng 8 thăng nước, đun lấy 3 thăng, uống nóng 7 hiệp. Nếu lạnh nhiều, gia Sanh cương thành 1 cân. Đau nhiều mà ụa, gia Quất bì 2 lạng, Bạch truyệt 1 lạng, gia Sanh cương cũng thêm 5 thăng nước, đun lấy 3 thăng 2 hiệp, uống đi.

ĐIỀU 19

Hàn sán, trong bụng đau, nghịch lãnh, tay chân tê dại, nếu mình mẩy đau nhức, cứu, thích, các thuốc đều không trị được, nên dùng Ô đầu, Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI THANG PHƯƠNG

Quế chi (bỏ vỏ) : 3 lạng Thược dược : 3 lạng

Cam thảo (nướng) : 2 lạng Sanh cương : 3 lạng

Đại táo : 12 quả

Tước nhỏ, dùng 7 thăng nước, nhỏ lửa, đun lấy 3 thăng, bỏ bã.

ĐIỀU 20

Mạch Sác mà Khẩn là Huyền, giống như dây cung, đề tay vào không rời. Mạch Sác, Huyền, nên cho hạ cái hàn xuống. Mạch Khẩn, Đại mà Trì, dưới Tâm hẳn cứng. Mạch Đại mà Khẩn, trong Dương có âm, có thể hạ đi.

PHỤ PHƯƠNG

“Ngoại đài” Ô đầu thang : Trị hàn sán, trong bụng đau vất, tặc phong nhập vào công 5 tạng, câu cấp, không day trở được, phát ra có lúc, khiến cho âm rút lại, tay chân quyết nghịch (đã có ở trên).

“Ngoại đài” Sài hồ, Quế chi thang phương : Trị Tâm, phúc thoát đau.

Sài hồ : 4 lạng Hoàng cầm : 1 lạng rượu

Nhân sâm : 1 lạng rượu Thược dược : 2 lạng rượu

Quế chi : 1 lạng rượu Sinh cương : 1 lạng rượu

Cam thảo : 1 lạng Bán hạ : 2 hiệp rượu

Đại táo : 6 quả

Dùng 6 thăng nước đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

Ngoại đài Tấu mã thang : Trị trúng ác, Tâm thông, bụng đau nhảy lên đòi tiện không thông.

Bã đậu : 1 củ (bỏ tim, rang) Hạnh nhân : 2 hạt

Dùng vải bọc, đập cho nát, 2 hiệp nước nóng, vắt lấy nước trắng, uống đi, hạ được. Già, trẻ tùy theo mà dùng. Thông trị bệnh Phi thi Quỷ kích.

ĐIỀU 21

Hỏi : Người có bệnh túc thực, làm sao phân biệt ?

Thầy nói : Thốn khẩu mạch Phù mà Đại, ấn tay vào lại Sáp, trong Xích cũng Vi mà Sáp, cho nên biết là có túc thực. Đại thừa khí thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 22

Mạch Sác mà Hoạt, thực vậy. Đó là có túc thực. Hạ đi, lạnh, nên dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 23

Hạ lợi, không muốn ăn, có túc thực vậy. Nên hạ đi, dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 24

Túc thực ở Thượng Uyển, nên thổ đi, nên dùng Qua để tán.

QUA ĐỂ TÁN PHƯƠNG

Qua để : 1 phân (rang vàng) Xích tiểu đậu : 1 phân (đun)

Nghiền bột, dùng 7 hiệp Hương thị đun lấy nước, dùng 1 muống tán, uống nóng. Không thổ, thêm lên chút ít, thổ được thì thôi (Người rong huyết và người hư nhược không được dùng).

ĐIỀU 25

Mạch Khẩn như kéo dây không chừng mực, có túc thực vậy.

ĐIỀU 26

Mạch Khẩn, đầu đau, Phong hàn, trong bụng có túc thực không hóa. (Một bản nói : Thốn khẩu mạch khẩn).

THIÊN THỨ MƯỜI

MẠCH CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỤNG ĐẦY, HÀN SÁN, TÚC THỰC

ĐIỀU 1

Trật dương, mạch Vi, Huyền, phép nên bụng đau, không đầy, đại tiện khó, 2 bên sườn đau nhức, đó là hư hàn từ dưới lên, nên dùng ôn dược uống đi.

ĐIỀU 2

Người bệnh bụng đầy, đè tay vào không đau là hư, đau là thực, có thể hạ đi. Lưỡi vàng chưa hạ, hạ đi, vàng tự hết.

ĐIỀU 3

Bụng đầy có lúc giảm, trở lại như cũ, đó là hàn, nên dùng ôn dược.

ĐIỀU 4

Người bệnh Nuy hoàng (sắc khô vàng, ẩm đạm, không có thần), táo mà không khát. Trong hung hàn thực, mà lợi không dứt, chết.

ĐIỀU 5

Thốn khẩu mạch Huyền, tức dưới hiệp câu cấp mà đau người bệnh rờn rợn ghét lạnh.

ĐIỀU 6

Người trúng hàn hay ngáp, nước mũi trong chảy ra, phát sốt, sắc mặt bình thường, hay hắt hơi.

ĐIỀU 7

Trúng hàn, người bệnh hạ lợi, vì lý hư, muốn hắt hơi không được, đó là Vy hàn.

ĐIỀU 8

Người ốm, chung quanh rốn đau, tất có phong lãnh, cốc khí không tiêu hóa, mà lại hạ đi, khí hãn xung lên, không xung lên thời dưới Tâm bĩ.

ĐIỀU 9

Bệnh hung đầy, phát sốt 10 ngày, mạch Phù mà Sác, ăn uống như thường. Hậu phác thất vật thang chủ về bệnh ấy.

HẬU PHÁC THẤT VẬT THANG PHƯƠNG

Hậu phác : nửa cân Cam thảo : 3 lạng

Đại hoàng : 3 lạng Đại táo : 10 quả

Chỉ thực : 5 quả Quế chi : 2 lạng

Sanh cương : 5 lạng

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 4 thăng, uống nóng 8 hiệp, ngày 3 lần. Ụa, gia Bán hạ 5 hiệp, hạ lợi, bỏ Đại hoàng, lạnh nhiều, gia Sanh cương nửa cân.

ĐIỀU 10

Trong bụng có khí lạnh, kêu như sấm, đau buốt, hung hiếp nghịch đầy, ói mửa. Phụ tử, ngạnh mễ thang chủ về bệnh ấy.

PHỤ TỬ, NGẠNH MỄ THANG PHƯƠNG

Phụ tử : 1 củ (bào) Bán hạ : nửa thăng

Ngạnh mễ : nửa thăng Cam thảo : 1 lượng

Đại táo : 10 quả

Dùng 8 thăng nước, đun Ngạnh mễ chín là được, bỏ bã, uống nóng 1 thăng. Ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 11

Đau mà bế (đại tiện không thông), Hậu phác, tam vật thang chủ về bệnh ấy.

HẬU PHÁC, TAM VẬT THANG PHƯƠNG

Hậu phác : 8 lượng Đại hoàng : 4 lượng

Chỉ thực : 5 quả

Dùng 1 đấu, 2 thăng nước, trước đun 2 vị, lấy 5 thăng, cho Đại hoàng vào đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, lợi rồi thôi.

ĐIỀU 12

Đề tay vào, dưới Tâm đầy, đau, đó là thực vậy, nên hạ đi, nên dùng Đại sài hồ thang.

ĐẠI SÀI HỒ THANG PHƯƠNG

Sài hồ : nửa cân Hoàng cầm : 3 lượng

Thược dược : 3 lượng Bán hạ (rửa) : nửa thăng

Chỉ thực (nướng) : 4 quả Đại hoàng : 4 lượng

Đại táo : 12 quả Sanh cương : 5 lượng

Dùng 1 đấu, 2 thăng nước, đau lấy 6 thăng, bỏ bã, lại đun, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 13

Bụng đầy không giảm, giảm không đáng kể, nên cần hạ đi, nên dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 14

Trong hung, trong Tâm đau, lạnh lấm, ói, không ăn được, trong bụng lạnh, hàn khí xung lên, da bụng nổi lên xuất hiện có đầu, có chân, trên dưới đau không thể sờ tay vào gần. Đại kiến trung thang chủ về bệnh ấy.

ĐẠI KIẾN TRUNG THANG PHƯƠNG

Thục tiêu (sao bỏ mỡ hôi) : 2 hiệp Càn cương : 4 lượng

Nhân sâm : 2 lượng

Dùng 4 thăng nước, đun còn 2 thăng, bỏ bã, cho Giao di vào 1 thăng, đun nhỏ lửa, lấy 1 thăng rượu, chia 2 lần, uống nóng, chập lâu có thể ăn 2 thăng cháo, sau lại uống.

ĐIỀU 15

Riêng dưới hiếp đau, phát nóng, mạch Khẩn, Huyền. Đó là Hàn vậy. Dùng Ôn dược hạ đi. Nên dùng Đại hoàng, Phụ tử thang phương.

ĐẠI HOÀNG, PHỤ TỬ THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 3 lượng Phụ tử (bào) : 3 quả

Tế tân : 2 lượng

Dùng 5 thăng, đun lấy 2 thăng, chia 3 lần, uống nóng. Nếu người mạnh, đun lấy 2 thăng rượu, chia 3 lần uống nóng. Uống rồi, đợi 1 giờ sau, uống lần nữa.

ĐIỀU 16

Hàn khí quyết nghịch, Xích hoàn chủ về bệnh ấy.

XÍCH HOÀN PHƯƠNG

Phục linh : 4 lượng Bán hạ (rửa) : 4 lượng

Ô đầu : 2 lượng Tế tân : 1 lượng

Nghiền bột, cho Châu sa vào làm màu, luyện mật làm hoàn bằng viên đạn, trước bữa ăn, uống với rượu 3 hoàn. Ngày đêm, uống 1 lần. Chưa bớt, uống tăng lên chút ít. Uống đến bớt mới thôi.

ĐIỀU 17

Bụng đau, mạch Huyền mà Khẩn. Huyền thời Vệ khí không hành, tức ghét lạnh, Khẩn thời không muốn ăn, tà chánh chọi nhau tức là Hàn sán.

Hàn sán đau quanh rốn, nếu phát lên thì ra mồ hôi trắng (vã mồ hôi vì đau kịch liệt quá), tay chân quyết lạnh, mạch Trầm, Khẩn. Đại ô đầu tiên chủ về bệnh ấy.

ĐẠI Ô ĐẦU TIÊN PHƯƠNG

Đại ô (thứ lớn) : 5 củ (rang, bỏ vỏ, không xé)

Dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng, bỏ bã, cho vào 2 thăng mật, điều_ cho bay hết hơi nước, lấy 2 thăng, người mạnh uống 7 hiệp. Không bớt, ngày sau lại uống. 1 ngày không được uống 2 lần.

ĐIỀU 18

Hàn sán, trong bụng đau và hiếp đau, lý cấp, Đương quy, Sanh cương, Dương nhục thang chủ về bệnh ấy.

ĐƯƠNG QUY, SANH CƯƠNG, DƯƠNG THỰC THANG PHƯƠNG

Đương quy : 3 lượng Sanh cương : 5 lượng

Dương nhục : 1 cân

Dùng 8 thăng nước, đun lấy 3 thăng, uống nóng 7 hiệp. Nếu lạnh nhiều, gia Sanh cương thành 1 cân. Đau nhiều mà ụ, gia Quất bì 2 lượng, Bạch truật 1 lượng, gia Sanh cương cũng thêm 5 thăng nước, đun lấy 3 thăng 2 hiệp, uống đi.

ĐIỀU 19

Hàn sán, trong bụng đau, nghịch lãnh, tay chân tê dại, nếu mình mẩy đau nhức, cứu, thích, các thuốc đều không trị được, nên dùng Ô đầu, Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI THANG PHƯƠNG

Quế chi (bỏ vỏ) : 3 lượng Thược dược : 3 lượng

Cam thảo (nướng) : 2 lượng Sanh cương : 3 lượng

Đại táo : 12 quả

Tước nhỏ, dùng 7 thăng nước, nhỏ lửa, đun lấy 3 thăng, bỏ bã.

ĐIỀU 20

Mạch Sác mà Khẩn là Huyền, giống như dây cung, đè tay vào không rời. Mạch Sác, Huyền, nên cho hạ cái hàn xuống. Mạch Khẩn, Đại mà Tri, dưới Tâm hẳn cứng. Mạch Đại mà Khẩn, trong Dương có âm, có thể hạ đi.

PHỤ PHƯƠNG

“Ngoại đài” Ô đầu thang : Trị hàn sán, trong bụng đau vất, tặc phong nhập vào công 5 tạng, câu cấp, không day trở được, phát ra có lúc, khiến cho âm rút lại, tay chân quyết nghịch (đã có ở trên).

“Ngoại đài” Sài hồ, Quế chi thang phương : Trị Tâm, phúc thoát đau.

Sài hồ : 4 lượng Hoàng cầm : 1 lượng rươi

Nhân sâm : 1 lượng rươi Thược dược : 2 lượng rươi

Quế chi : 1 lượng rươi Sinh cương : 1 lượng rươi

Cam thảo : 1 lượng Bán hạ : 2 hiệp rươi

Đại táo : 6 quả

Dùng 6 thăng nước đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

Ngoại đài Tấu mã thang : Trị trúng ác, Tâm thống, bụng đau nhảy lên đòi tiện không thông.

Bã đậu : 1 củ (bỏ tim, rang) Hạnh nhân : 2 hạt

Dùng vải bọc, đập cho nát, 2 hiệp nước nóng, vắt lấy nước trắng, uống đi, hạ được. Già, trẻ tùy theo mà dùng. Thông trị bệnh Phi thi Quỷ kích.

ĐIỀU 21

Hỏi : Người có bệnh túc thực, làm sao phân biệt ?

Thầy nói : Thốn khẩu mạch Phù mà Đại, ấn tay vào lại Sáp, trong Xích cũng Vi mà Sáp, cho nên biết là có túc thực. Đại thừa khí thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 22

Mạch Sác mà Hoạt, thực vậy. Đó là có túc thực. Hạ đi, lạnh, nên dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 23

Hạ lợi, không muốn ăn, có túc thực vậy. Nên hạ đi, dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 24

Túc thực ở Thượng Uyển, nên thổ đi, nên dùng Qua để tán.

QUA ĐỂ TÁN PHƯƠNG

Qua để : 1 phân (rang vàng) Xích tiểu đậu : 1 phân (đun)

Nghiền bột, dùng 7 hiệp Hương thị đun lấy nước, dùng 1 muống tán, uống nóng. Không thổ, thêm lên chút ít, thổ được thì thôi (Người rong huyết và người hư nhược không được dùng).

ĐIỀU 25

Mạch Khẩn như kéo dây không chừng mực, có túc thực vậy.

ĐIỀU 26

Mạch Khẩn, đầu đau, Phong hàn, trong bụng có tức thực không hóa. (Một bản nói : Thốn khẩu mạch khẩu).

THIÊN THỨ MƯỜI HAI

MẠCH CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH ĐÀM ẨM VÀ KHÁI THÁU

ĐIỀU 1

Hỏi : Ẩm có 4 là thể nào ?

Thầy nói : Có Đàm ẩm, Huyền ẩm, Dật ẩm và Chi ẩm.

ĐIỀU 2

Hỏi : 4 ẩm khác nhau thế nào ?

Thầy nói : Người bệnh trước kia mặt gờ gày ốm, thủy chạy trong ruột, có tiếng róc rách, gọi là Đàm ẩm. Sau khi mắc bệnh ẩm, ẩm lưu dưới hiệp, lúc ho, lúc khạc, đau dẫn gọi là Huyền ẩm. Ẩm thủy lưu hành, dồn về tứ chi, nên ra mồ hôi mà không ra, mình mẩy nặng nề, nhúc nhối, gọi là Dật ẩm. Ho nghịch, phải dựa vào có nơi mới thở được.

ĐIỀU 3

Thủy ở Tâm, dưới Tâm bĩ, cứng mà quý, động, hơi ngắn, ghét nước, không muốn uống.

ĐIỀU 4

Thủy ở Phế, thổ bọt dãi, muốn uống nước.

ĐIỀU 5

Thủy ở Tỳ, ít hơi, mình nặng.

ĐIỀU 6

Thủy ở Can, dưới hiệp đầy no, hắt hơi mà đau.

ĐIỀU 7

Thủy ở Thận, dưới Tâm quý.

ĐIỀU 8

Dưới Tâm có lưu ẩm, lưng có chỗ lạnh bằng bàn tay lớn.

ĐIỀU 9

Lưu ẩm, dưới hiệp đau dẫn đến Khuyết bồn, khái thấu thời chuyển lấm.

ĐIỀU 10

Trong hung có lưu ẩm, người bệnh hơi ngắn mà khát, tay chân đau nhúc trong đốt xương. Mạch Trầm, có lưu ẩm.

ĐIỀU 11

Trên cách có bệnh đàm, đầy, suyễn, ho, thổ, lúc phát ra thời nóng lạnh, lưng đau, thất lưng nhúc, nước mắt tự ra, người bệnh run run, mình mẩy động kịch liệt, tất có Phục ẩm.

ĐIỀU 12

Người bệnh uống nước nhiều, hẳn suyễn, đầy dữ tợn. Phàm ăn ít, uống nhiều, thủy dừng dưới Tâm, nặng thì Quý, nhẹ thì hơi thở ngắn. Mạch 2 tay đều Huyền, là hàn vậy, đều là sau khi đại hạ hay hư. Mạch chỉ Huyền 1 bên là ẩm vậy.

ĐIỀU 13

Phế ẩm (ẩm xâm phạm vào Phế, thuộc loại Chi ẩm), mạch không Huyền, chỉ khốn khổ vì suyễn, hơi thở ngắn.

ĐIỀU 14

Chi ẩm cũng suyễn mà không nằm được, thêm hơi thở ngắn, mạch bình thường.

ĐIỀU 15

Bệnh Đàm ẩm, nên dùng ôn dược hòa đi.

ĐIỀU 16

Dưới Tâm có Đàm ẩm, hung hiệp đầy, mắt hoa, Linh, Quế, Truật, Cam thang chủ về bệnh ấy.

PHỤC LINH, QUẾ CHI, BẠCH TRUẬT, CAM THẢO THANG PHƯƠNG

Phục linh : 4 lạng Quế chi : 3 lạng

Bạch truật : 3 lạng Cam thảo : 2 lạng

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 3 thăng, chia 3 lần uống nóng, thời tiểu tiện lợi.

ĐIỀU 17

Hơi thở ngắn, có vi ảm, nên khử theo đường tiểu tiện, Linh, Quế, Truật, Cam thang cũng chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 18

Người bệnh mạch Phục, muốn tự lợi, lợi trở lại khoan khoái, tuy lợi, dưới Tâm tiếp tục cứng đầy, đó là lưu ảm muốn đi. Cam toại, Bán hạ thang chủ về bệnh ấy.

CAM TOẠI, BÁN HẠ THANG PHƯƠNG

Cam toại (thứ lớn) : 3 củ Thược dược : 5 củ

Bán hạ : 12 củ (dùng 1 thăng nước, đun lấy nửa thăng, bỏ bã)

Cam thảo (nướng - thứ lớn) : 1 gốc

Dùng 1 thăng nước, đun lấy nửa thăng, bỏ bã, dùng nửa thăng mật, cùng với nước thuốc đun lấy 8 hiệp. Uống hết 1 lần.

ĐIỀU 19

Mạch Phù mà Tế, Hoạt, thương ảm.

ĐIỀU 20

Mạch Huyền, Sác, có hàn ảm, Đông, Hạ khó trị.

ĐIỀU 21

Mạch Trầm mà Huyền, Huyền đầu ở bên trong (ở hung kiếp).

ĐIỀU 22

Bệnh Huyền ảm, Thập táo thang chủ về bệnh ấy.

THẬP TÁO THANG PHƯƠNG

Nguyên hoa (rang), Cam toại, Đại kích, 3 vị ngang nhau.

Nghiền nhỏ, rây nhỏ, dùng 1 thăng, 5 hiệp nước, trước đun 10 quả táo lớn, lấy 8 hiệp, bỏ bã, cho thuốc bột vào, người mạnh uống 1 muống, người yếu uống 5 phân. Sáng sớm uống nóng. không hạ, qua ngày sau lại uống 5 phân. Được hạ khoan khoái, ăn cháo gạo tự dưỡng.

ĐIỀU 23

Bệnh Dật ảm, nên phát hàn, Đại thanh long thang chủ về bệnh ấy. Tiểu thanh long thang cũng chủ về bệnh ấy.

ĐẠI THANH LONG THANG PHƯƠNG

Ma hoàng (bỏ đốt) : 6 lạng Quế chi (bỏ vỏ) : 2 lạng

Cam thảo (nướng) : 2 lạng Hạnh nhân (bỏ vỏ, chóp) : 40 hạt

Sanh cương : 3 lạng Đại táo : 12 quả

Thạch cao (Đập vụn) : 1 cục bằng quả trứng gà

Dùng 9 thăng nước, trước đun Ma hoàng, giảm bớt 2 thăng, gạt bỏ bọt, cho các thuốc vào, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nuốt 1 thăng, lấy hơi tựa hãn, hãn ra nhiều dùng ôn phần xoa đi.

TIỂU THANH LONG THANG PHƯƠNG

Ma hoàng (bỏ đốt) : 3 lạng Thược dược : 3 lạng

Ngũ vị tử : nửa thăng Càn cương : 3 lạng

Cam thảo (nướng) : 3 lạng Tế tân : 3 lạng

Quế chi (bỏ vỏ) : 3 lạng Bán hạ (rửa) : nửa thăng

Dùng 1 đấu nước, trước đun Ma hoàng giảm bớt 2 thăng, gạt bỏ bọt, cho các thuốc vào đun lấy 3 thăng bỏ bã, uống nóng 1 thăng.

ĐIỀU 24

Chi ảm ở khoảng cách, người bệnh suyễn, đầy, mặt sác đen mờ, mạch Trầm, Khẩn, mắc phải vài mươi ngày, y giải cho thổ, cho hạ không lạnh, Mộc phòng kỷ thang chủ về bệnh ấy. Người hư, lạnh ngay. Người thực, 3 ngày lại phát, lại cho uống, không lạnh, nên dùng Mộc phòng kỷ thang bỏ Thạch cao, gia Phục linh, Mang tiêu thang chủ về bệnh ấy.

MỘC PHÒNG KỶ THANG PHƯƠNG

Mộc phòng kỷ : 3 lạng Quế chi : 2 lạng

Nhân sâm : 4 lạng Thạch cao : 12 cục bằng quả trứng gà

Dùng 6 thăng nước, đun còn 2 thăng, uống nóng 2 lần.

MỘC PHÒNG KỶ KHỬ THẠCH CAO GIA PHỤC LINH

MANG TIỂU THANG PHƯƠNG

Mộc phòng kỷ : 2 lạng Quế chi : 2 lạng

Nhân sâm : 4 lạng Mang tiêu : 3 hiệp

Phục linh : 4 lạng

Dùng 6 thăng nước, đun còn 2 thăng, bỏ bã, cho Mang tiêu vào, lại đun sơ cho Mang tiêu tan hết, chia 2 lần, uống nóng, hơi lợi thời lạnh.

ĐIỀU 25

Dưới Tâm có chi ẩm, người bệnh khổ vì mạo, huyền (1) Trạch tả thang chủ về bệnh ấy.

(1) Nặng đầu, hoa mắt.

TRẠCH TẢ THANG PHƯƠNG

Trạch tả : 5 lượng Bạch truật : 2 lượng

Dùng 2 thăng nước, đun còn 1 thăng, uống nóng 2 lần.

ĐIỀU 26

Chi ẩm, hung đầy, Hậu phác, Đại hoàng thang chủ về bệnh ấy.

HẬU PHÁC, ĐẠI HOÀNG THANG PHƯƠNG

Hậu phác : 1 thước Đại hoàng : 6 lượng

Chỉ thực : 4 quả

Dùng 5 thăng nước, đun còn 2 thăng, uống nóng 2 lần.

ĐIỀU 27

Chi ẩm, không thở được, Đĩnh lịch, Đại táo tả phế thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 28

Ấu gia (người vốn có bệnh ỏi mưa mẩn tính), vốn khát dưới Tâm có Chi ẩm cho nên vậy. Tiểu bán hạ thang chủ về bệnh ấy.

TIỂU BÁN HẠ THANG PHƯƠNG

Bán hạ : 1 thăng Sanh cương : nửa thăng

Dùng 7 thăng nước, đun lấy 1 thăng rưỡi, chia 2 lần, uống nóng.

ĐIỀU 29

Bụng đầy, miệng lưỡi khô ráo, đó là trong ruột có thủy khí, Kỷ, Tiêu, Lịch, Hoàng hoàn chủ về bệnh ấy.

PHÒNG KỶ, TIỂU MỤC, ĐÌNH LỊCH, ĐẠI HOÀNG HOÀN PHƯƠNG

Phòng kỷ, Tiêu mục, Đĩnh lịch, Đại hoàng đều 1 lượng.

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn, uống 1 hoàn trước bữa ăn, ngày uống 3 lần, tăng dần, trong miệng có tân dịch. Khát, gia Mang tiêu nửa lượng.

ĐIỀU 30

Thoạt ỏi mưa, dưới Tâm bí, khoảng cách có thủy, choáng đầu, hoa mắt, run sợ, Tiểu bán hạ gia Phục linh thang chủ về bệnh ấy.

TIỂU BÁN HẠ GIA PHỤC LINH THANG PHƯƠNG

Bán hạ : 1 thăng Sinh cương : nửa cân

Phục linh : 3 lượng

Dùng 7 thăng nước, đun lấy 1 thăng, 5 hiệp, chia 2, uống nóng.

ĐIỀU 31

Giả linh người gầy, dưới rốn run sợ (quí), thổ ra bọt dãi mà đầu mắt choáng váng. Đó là thủy vậy. Ngũ linh tán chủ về bệnh ấy.

NGŨ LINH TÁN PHƯƠNG

Trạch tả : 1 lượng 5 phân Trư linh (bỏ vỏ) : 3 phân

Phục linh : 3 phân Bạch truật : 3 phân

Quế chi (bỏ vỏ) : 2 phân

Nghiền bột, uống với nước ấm 1 muống, ngày 3 lần, uống nhiều nước ấm, hạn ra, lạnh.

“Ngoại đài” PHỤC LINH ẤM : trị trọng Tâm, hung có đĩnh ẩm, túc thủy, tự thổ ra nước rồi, Tâm, Hung trống rỗng, khí đầy, không ăn được, khiến cho ăn được.

Phục linh : 3 lượng Nhân sâm : 3 lượng

Bạch truật : 3 lượng Chỉ thực : 2 lượng

Quát bì : 2 lượng rưỡi Sanh cương : 4 lượng

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 1 thăng 8 hiệp, chia 3 lần, uống nóng, độ chừng đi bộ 8, 9 dặm, uống nữa.

ĐIỀU 32

Khái gia (người có bệnh ho mạn tính), mạch Huyền, là thủy, Thập táo thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 33

Người có Chi ẩm, khái, phiền, trong hung đau, không chết thành linh, đến 100 ngày, hoặc 1 năm, nên dùng Thập táo thang phương.

ĐIỀU 34

Ho lâu đôi năm, mạch Nhược, có thể trị. Thực, Đại, Sác là chết, Mạch Hư tất khôn khổ về đầu nặng, vì người vốn có Chi âm trong hung, trị theo âm gia.

ĐIỀU 35

Ho nghịch, ngồi dựa để thở không nằm thẳng được, Tiểu thanh long thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 36

Uống Thanh long thang rồi, nhỏ khạc nhiều, miệng ráo, Thốn mạch Trầm, Xích mạch Vi, tay chân quyết nghịch, khí từ thiếu phúc xung lên hung, hống, tay chân tê, mặt hâm hấp nóng như say, nhân lại chảy xuống hạ tiêu trở lại, tiểu tiện khó, thường thường lại đầu choáng váng, dùng Phục linh, Quế chi, Ngũ vị, Cam thảo thang.

QUẾ, LINH, NGŨ VỊ, CAM THẢO THANG PHƯƠNG

Phục linh : 4 lạng Quế chi (bỏ vỏ) : 4 lạng

Cam thảo (nướng) : 3 lạng Ngũ vị tử : nửa thăng

Dùng 8 thăng nước, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 3 lần.

ĐIỀU 37

Xung khí xuống thấp, mà ngược lại, lại ho, hung đầy, dùng Quế, Linh, Ngũ vị, Cam thảo thang khứ Quế gia Càn cương, Tế tân trị ho đầy.

LINH, CAM, NGŨ VỊ, CƯƠNG, TÂN THANG PHƯƠNG

Phục linh : 4 lạng Cam thảo : 3 lạng

Càn cương : 3 lạng Tế tân : 3 lạng

Ngũ vị tử : nửa thăng

Dùng 8 thăng nước, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng nửa thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 38

Thủy đi, ủa dứt, người bệnh mình sưng, gia Hạnh nhân chủ về bệnh ấy. Chứng nên cho Ma hoàng vào, người bệnh bèn tê, nên không cho vào. Nếu nghịch mà cho vào, ất Quyết, sờ dĩ như thể vì người bệnh huyết hư, Ma hoàng phát dương khí cho nên như vậy.

LINH, CAM, NGŨ VỊ GIA CƯƠNG, TÂN, BẢN HẠ, HẠNH NHÂN THANG PHƯƠNG

Phục linh : 4 lạng Cam thảo : 3 lạng

Ngũ vị : nửa thăng Càn cương : 3 lạng

Tế tân : 3 lạng Bán hạ : nửa thăng

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng nửa thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 39

Nếu mặt nóng như say, đó là Vy nóng xung lên, hun đốt mặt, gia Đại hoàng để lợi đi.

LINH, CAM, NGŨ VỊ, GIA CƯƠNG, TÂN, BẢN, HẠNH,

ĐẠI HOÀNG THANG PHƯƠNG

Phục linh : 4 lạng Cam thảo : 3 lạng

Ngũ vị : nửa thăng Càn cương : 3 lạng

Tế tân : 3 lạng Bán hạ : nửa thăng

Hạnh nhân : nửa thăng Đại hoàng : 3 lạng

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng nửa thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 40

Trước khát sau ói là thủy dừng dưới Tâm, đó là thuộc ẩm gia, Tiểu Bán hạ gia Phục Linh thang chủ về bệnh ấy.

THIÊN THỨ MƯỜI BA

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH TIÊU KHÁT, TIỂU TIỆN KHÔNG LỢI, LÂM

ĐIỀU 1

Âm quyết làm nên bệnh, tiêu khát, khí xung lên Tâm, trong Tâm nhức nhối, nóng, đói mà không muốn ăn, ăn liền thổ Vưu (giun), hạ đi không chịu dừng.

ĐIỀU 2

Thốn khẩu mạch Phù mà Tri, Phù tức là hư, Tri tức là lao. Hư thời vệ khí không đủ, lao thời vệ khí kiệt.

Mạch Trật dương Phù mà Sác, Phù tức là khí, Sác tức là tiêu cốc mà đại tiện rần. Khí thịnh thời tiểu luôn, tiểu luôn, đại tiện rần, tiểu luôn và đại tiện rần chọi nhau, tức là tiêu khát.

ĐIỀU 3

Con trai tiêu khát, tiểu tiện trở lại nhiều, uống 1 đấu, tiểu tiện 1 đấu. Thận khí hoàn chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 4

Mạch Phù, tiểu tiện không lợi, hơi nóng, là Tiêu khát, nên lợi tiểu tiện, phát hàn. Ngũ linh tán chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 5

Khát muốn uống nước, nước vào thời thổ ra, tên gọi là thủy nghịch, Ngũ linh tán chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 6

Khát muốn uống nước không ngọt, Văn cáp tán chủ về bệnh ấy.

VĂN CÁP TÁN PHƯƠNG

Văn cáp : 5 lạng

Nghiền bột. Nước sôi 5 hiệp, hòa 1 muống uống.

ĐIỀU 7

Bệnh Lâm, tiểu tiện ra như lúa, tiểu phúc câu cấp, đau dần giữa rốn.

ĐIỀU 8

Mạch Trật dương Sác, trong có Vy nhiệt, tức tiêu cốc đòi ăn, đại tiện hãn rần, tiểu tiện sác (đi luôn).

ĐIỀU 9

Lâm gia (người vốn đau lậu) không thể phát hãn, phát hãn thời hãn tiện huyết.

ĐIỀU 10

Tiểu tiện không lợi, có thủy khí, người bệnh khát, Quát lâu, cù mạch hoàn chủ về bệnh ấy.

QUÁT LÂU, CÙ MẠCH HOÀN PHƯƠNG

Quát lâu căn : 2 lạng Phục linh : 3 lạng

Thự dự : 3 lạng Phụ tử (bào) : 1 củ

Cù mạch : 1 lạng

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt Ngô đồng, mỗi lần uống 3 hoàn, ngày 3 lần, không bớt, tăng đến 7, 8 hoàn, tiểu tiện lợi, trong bụng ấm là biết.

ĐIỀU 11

Tiểu tiện không lợi, Bò khô tán chủ về bệnh ấy. Hoạt thạch, Bạch ngư tán, Phục linh, Nhung diêm thang đều chủ về bệnh ấy.

BÒ KHÔ TÁN PHƯƠNG

Bò khô : 7 phân Hoạt thạch : 3 phân

Giã nát bột, uống 1 muống, ngày uống 3 lần.

HOẠT THẠCH, BẠCH NGƯ TÁN PHƯƠNG

Hoạt thạch : 2 phân Loạn phát (đốt) : 2 phân

Bạch ngư : 2 phân

Làm bột uống 1 muống, ngày uống 3 lần.

PHỤC LINH, NHUNG DIÊM THANG PHƯƠNG

Phục linh : nửa cân Bạch truật : 2 lạng

Nhung diêm : to bằng hòn đạn

Đun Phục Linh, Bạch truật thành ròi, cho Nhung diêm vào lại đun. Phân 3 lần, uống nóng.

ĐIỀU 12

Khát muốn uống nước, miệng khô, lưỡi ráo, Bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 13

Mạch Phù, phát nhiệt, khát muốn uống nước, tiểu tiện không lợi, Trư linh thang chủ về bệnh ấy.

TRƯ LINH THANG PHƯƠNG

Trư linh (bỏ vỏ) : 1 lạng Phục linh : 1 lạng

A giao : 1 lạng Hoạt thạch : 1 lạng

Trạch tả : 1 lạng

Dùng 4 thăng nước, trước đun 4 vị, lấy 2 thăng, bỏ bã, cho A giao vào cho tiêu, uống nóng 7 hiệp, ngày uống 3 lần.

THIÊN THỦ' MƯỜI BỐN

MẠCH CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH THỦY KHÍ

ĐIỀU 1

Thầy nói : Bệnh có Phong thủy, có Bì thủy, có Chánh thủy, có thạch thủy, có Hoàng hạn, Phong thủy, mạch tợ Phù, chứng ngoài là cốt tiết đau nhức, ghét gió, Bì thủy mạch cũng Phù, ngoại chứng, gót chân sưng, đè tay vào, lún mất ngón, không ghét gió, bụng như cái trống, không khát, nên phát hạn. Chánh thủy, mạch Trầm, Trì, ngoại chứng tợ suyễn. Thạch thủy, mạch tợ Trầm, ngoại chứng, bụng đầy, không suyễn. Hoàng hạn, mạch Trầm, Trì, mình phát nhiệt, hung đầy, tứ chi, đầu, mặt sưng, lâu không lành, hẳn sinh Ung nững.

ĐIỀU 2

Mạch Phù mà Hồng, Phù thời là Phong, Hồng thời là khí, phong, khí chọi nhau, phong mạnh thời sinh ra ần chẩn (mụn nốt), mình mảy ngứa, lâu rồi thành sần sùi, Khí mạnh thời là thủy, khó cúi ngứa. Phong khí đánh nhau, mình mảy sưng đỏ, mồ hôi ra là lành. Ghét gió thời hư, đó là phong thủy, không ghét gió, tiểu tiện không lợi, thượng tiêu có hàn, miệng nhiều nước dãi, đó là Hoàng hạn.

ĐIỀU 3

Thốn khẩu, mạch Trầm, Hoạt, trong có thủy khí, mặt, mắt sưng lớn, có nhiệt, tên gọi là Phong thủy. Xem mắt bệnh nhân nhân bào hơi thũng, như dáng tầm mới dậy, mạch Nhân nghinh động, thường thường ho, đè tay vào tay chân, lún xuống không nổi lên, ấy là Phong thủy.

ĐIỀU 4

Bệnh ở Thái dương, mạch Phù mà Khẩn, phép nên cốt tiết đau nhức, ngược lại thân thể nặng nề mà ê ẩm, người bệnh không khát, mồ hôi ra thời lành, đó là phong thủy. Ghét gió, đó là hư tột độ, phát hạn sinh ra.

Khát mà không ghét lạnh, đó là Bì thủy.

Mình sưng mà lạnh, trạng như Chu tỳ (tê khắp), trong hung chật hẹp, 0 ăn được, ngược lại đau tụ lại, tối lại, bứt rứt không ngủ được, đó là Hoàng hạn. Đau ở cốt tiết, ho mà suyễn, không khát, đó là Tỳ trưởng, trạng như thũng, phát hẳn thời lành.

Nhưng các bệnh như thế, khát mà hạ lợi, tiểu tiện đi luôn, đều không thể phát hẳn.

ĐIỀU 5

Lý thủy (tức Bì thủy - theo chú giải của Mạnh kinh) là khắp mình, mặt, mắt sưng vàng, mạch Trầm, tiểu tiện không lợi, cho nên khiến thành bệnh thủy. Giả như tiểu tiện tợ lợi, đó là vong tân dịch, cho nên sinh ra khát. Việt tỳ gia Truật thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 6

Phu dương, mạch dương Phục, giờ trở lại Khẩn, vốn tợ có hàn, Sán, Hà, trong bụng đau, y giả lại hạ đi, hạ rồi, hung đầy, hơi thở ngắn.

ĐIỀU 7

Phu dương, mạch dương phục, giờ trở lại Sác, vốn có tợ nhiệt, tiêu cốc, tiểu tiện đi luôn, giờ trở lại hạ lợi, đó là muốn thành chứng Thủy.

ĐIỀU 8

Thốn khẩu mạch Phù mà Trì, mạch Phù thời nhiệt, mạch Trì thời tiềm (tàng), nhiệt và tiềm (tàng) chọi nhau tên gọi là Trầm. Mạch Trật dương Phù mà Sác, mạch Phù tức là nhiệt, mạch Sác tức là dừg, nhiệt, dừg chọi nhau, tên gọi là Phục, Trầm, Phục chọi nhau, tên gọi là thủy : Trầm thời mạch lạc hư, Phục thời tiểu tiện khó, hư, khó chọi nhau, thủy chạy ra bì phu, tức là thủy vậy.

ĐIỀU 9

Thốn khẩu mạch Huyền mà Khẩn, Huyền thời vệ khí không hành, tức ghét lạnh, thủy không đầm thấm trôi chảy, chạy vào trong ruột.

Thiếu âm mạch Khẩn mà Trầm, Khẩn thời là đau, trầm thời là thủy, tiểu tiện khó.

ĐIỀU 10

Gặp mạch Trầm nên tránh có thủy, thân thể thũng, nặng nề, thủy bệnh, mạch xuất (mạch bạo xuất không gốc - trên có, dưới tuyệt không) - Chết.

ĐIỀU 11

Người bị thủy bệnh, dưới mắt có dáng tằm nằm, mặt mắt tươi sáng, mạch Phục, người bệnh tiêu khát. Bệnh thủy, bụng lớn, tiểu tiện không lợi, mạch Trầm tuyệt, có thủy, có thể hạ.

ĐIỀU 12

Hỏi : Bệnh hạ lợi rồi (bao quát tiết tả, lý tậ) khát muốn uống nước, tiểu tiện không lợi, bụng đầy, nhân đó sinh thũng, vì sao ?

Thầy nói : Theo đó là bệnh Thủy. Nếu tiểu tiện tự lợi và hạn ra, nên tự lành.

ĐIỀU 13

Tâm có bệnh đưa đến bệnh Thủy thũng, mình nặng mà ít khí, không nằm được, phiền và táo, người bệnh âm sưng.

ĐIỀU 14

Can có bệnh đưa đến bệnh Thủy thũng, bụng lớn, không tự day trở được, dưới hiếp, bụng đau, thường thường tân dịch sinh ra chút ít, tiểu tiện tiếp tục thông.

ĐIỀU 15

Phế có bệnh, đưa đến Thủy thũng, mình sưng, tiểu tiện khó, thường thường đại tiện nát như phân vịt.

ĐIỀU 16

Tỳ có bệnh đưa đến Thủy thũng, bụng lớn, tứ chi nặng nề, tân dịch không sanh, nhưng ít khí, tiểu tiện khó.

ĐIỀU 17

Thận có bệnh đưa đến Thủy thũng, rốn sưng, thất lưng đau, không tiểu tiện được, dưới âm vật ướt như mồ hôi trên mũi trâu, chân nghịch lạnh, mặt trở lại gầy.

ĐIỀU 18

Thầy nói : Các bệnh Thủy thũng, thất lưng trở xuống sưng, nên cho lợi tiểu tiện, thất lưng trở lên sưng cho phát hãn là lành.

ĐIỀU 19

Thốn khẩu mạch Trầm mà Trì, Trầm thời là Thủy, Trì thời là hàn. Hàn là Thủy chọi nhau, Phu dương mạch Phục, thủy cốc không hóa, Tỳ khí suy thì đại tiện nát như phân vịt, Vy khí suy thời mình sưng. Thiếu dương (1) mạch Ty (2), Thiếu âm mạch Tế, con trai thời tiểu tiện không lợi, con gái thời kinh thủy không thông, Kinh là huyết, huyết không lợi thời là thủy, tên gọi là huyết phần.

(1) Thiếu dương là chỉ mạch ở bộ vị Hòa liêu, Nhân trung đo ra mỗi bên 5 phân.

(2) Mạch Ty là nói án vào Trầm mà Nhược, biểu thị vinh huyết không đủ.

ĐIỀU 20

Hỏi : Người bệnh mắc bệnh Thủy, mặt, mắt, mình mẩy, tứ chi đều thũng, tiểu tiện không lợi, xem mạch không nói thủy, trở lại nói trong hung đau, khí xung lên họng, dáng như có vật ngăn trở hơi khái, suyễn, xét như Thầy nói, mạch nó loại gì ?

Thầy nói : Thốn khẩu mạch Trầm mà Khẩn, Trầm là thủy, Khẩn là hàn. Trầm, Khẩn chọi nhau, kết ở Quan nguyên (dưới rốn 3 tấc), lúc ban đầu còn Vi, tuổi trẻ không biết, sau tuổi dương suy (con gái 35, con trai 48), vinh vệ không cùng hòa hài, dương tổn âm thạch thủy hàn ngưng kết. Thận khí xung lên, yết hầu nghẽn lấp, dưới hiếp đau gấp, y giải, cho là Lưu âm, đại hạ đi, khí xung kích không đi, bệnh không trừ. Lại cho thổ đi, người vốn có bệnh bao tử no hơi, bứt rứt), họng ráo, muốn uống nước, tiểu tiện không lợi, thủy cốc không hóa, mặt, mắt, tay chân phù thũng. Lại dùng Đĩnh lịch hoàn hạ thủy, lúc bấy giờ như giảm chút ít, ăn uống quá độ, sưng lại như trước, hung hiếp đau, giống như Bôn đồn, thời nổi ho, suyễn ngược. Trước nên công kích xung khí, khiến cho dứt mới trị ho. Ho dứt, suyễn tự bớt. Trước trị bệnh mới, cố tậ để sau.

ĐIỀU 22

Phong thủy, mạch Phù, mình nặng, hạn ra, ghét gió. Phòng kỷ, Hoàng kỳ thang chủ về bệnh ấy. Bụng đau, gia Thược dược.

ĐIỀU 23

Phong thủy, ghét gió, khắp mình sưng, mạch Phù mà khát, hạn tiếp tục tự ra, không có đại nhiệt. Việt tỳ thang chủ về bệnh ấy.

VIỆT TỖ THANG PHƯƠNG

Ma hoàng : 6 lạng Thạch cao : nửa cân

Sanh cương : 3 lạng Cam thảo : 2 lạng

Đại táo : 15 quả

Dùng 6 thăng nước, trước đun Ma hoàng, gạt bỏ bọt, cho các thuốc vào đun lấy 3 thăng, uống nóng 3 lần. Ghét gió, gia Phụ tử 1 củ (bào), Phong thủy, gia Bạch truật 4 lạng.

ĐIỀU 24

Mắc bệnh Bì thủy, tay chân sưng, thủy khí ở trong bì phu, tay chân hơi run run, Phòng kỷ, Phục linh thang chủ về bệnh ấy.

PHÒNG KỶ, PHỤC LINH THANG PHƯƠNG

Phòng kỷ : 3 lạng Hoàng kỳ : 3 lạng

Quế chi : 3 lạng Phục Linh : 6 lạng

Cam thảo : 2 lạng

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 2 thăng, chia 3 lần uống nóng.

ĐIỀU 25

Lý thủy, Việt tỳ gia Truật thang chủ về bệnh ấy. Cam thảo, Ma hoàng thang cũng chủ về bệnh ấy.

VIỆT TỶ GIA TRUẬT THANG PHƯƠNG

(Xem ở trúng phong - Gia Truật 4 lạng)

CAM THẢO, MA HOÀNG THANG PHƯƠNG

Cam thảo : 2 lạng Ma hoàng : 4 lạng

Dùng 5 thăng nước, trước đun Ma hoàng, gạt bỏ bọt, cho Cam thảo vào đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, đắp chăn cho hạn ra, lại uống. Cần thận gió lạnh.

ĐIỀU 26

Thủy làm nên bệnh, mạch Trầm, Tiểu, thuộc Thiếu âm. Phù là phong, không có thủy, hư trướng là khí. Bệnh thủy, phát hạn dứt ngay. Mạch Trầm, dùng Ma hoàng, Phụ tử thang. Mạch Phù, dùng Hạnh tử thang.

MA HOÀNG, PHỤ TỬ THANG PHƯƠNG

Ma hoàng : 3 lạng Cam thảo : 2 lạng

Phụ tử (bào) : 1 củ

Dùng 7 thăng nước, trước đun Ma hoàng, gạt bỏ bọt, cho các thuốc vào đun lấy 2 thăng rượu, uống nóng 8 phân, ngày 3 lần.

ĐIỀU 27

Quyết mà Bì thủy, Bò khô tán chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 28

Hồi : Bệnh mồ hôi vàng, mình mẩy sưng (có bản ghi là nặng nề), phát nhiệt, hãn ra mà khát, giống như Phong thủy, mồ hôi thấm ướt áo, sắc vàng như nước Hoàng bá, do đâu mắc phải ? Thầy nói : Do hãn ra, vào trong nước tắm, nước theo lỗ chân lông vào, Kỳ, Dược, Quế, Tửu thang chủ về bệnh ấy.

HOÀNG KỶ, THUỘC DƯỢC, QUẾ CHI, KHỔ TỬU THANG

Hoàng kỳ : 5 lạng Thuộc dược : 3 lạng

Quế chi : 3 lạng

Dùng 1 thăng Khổ tửu, 7 thăng nước hòa chung, đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, hãn Tâm phiền, uống đến 6, 7 ngày, giải. Nếu Tâm phiền không dứt vì Khổ tửu ngăn trở vậy.

ĐIỀU 29

Bệnh Hoàng hạn, 2 ống chân lạnh. Giả linh phát nhiệt, đó là thuộc Lịch tiết. Ăn rồi, hạn ra, mình lại thường tối nằm, mồ hôi trộm ra, đó là Lao khí. Nếu hạn ra rồi, trở lại phát nhiệt, lâu lâu mình hãn tróc vẩy, phát nhiệt không dứt, hãn sinh ác sang (nhọt độc).

Nếu mình nặng, hạn ra rồi, liền nhẹ, lâu lâu hãn thịt giòn giật, mấp máy, tức là trong hung đau, lại mồ hôi ra từ thất lưng trở lên, dưới không có mồ hôi, thất lưng đau như có vật gì trong da, nặng thời không ăn được, mình đau nhức, nặng nề, phiền táo, tiểu tiện không lợi, đó là Hoàng hạn, Quế chi gia Hoàng kỳ thang chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI GIA HOÀNG KỶ THANG PHƯƠNG

Quế chi : 3 lạng Thuộc dược : 3 lạng

Cam thảo : 2 lạng Sinh cương : 3 lạng

Đại táo : 12 quả Hoàng kỳ : 2 lạng

Dùng 8 thăng nước, đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, chập lát ăn cháo nóng hơn 1 thăng, để trợ dược lực, uống nóng, lấy hơi có hãn. Nếu không có hãn, lại uống.

ĐIỀU 30

Thầy nói : Thốn khẩu mạch Trì mà Sáp, Trì thời là hàn, Sáp là huyết không đủ. Mạch Phu dương Vi mà Trì, Vi thời là khí, Trì thời là hàn, Hàn khí không đủ, thời tay chân nghịch lãnh. Tay chân nghịch lãnh thời vinh vệ không lợi. Vinh vệ không lợi thì bụng đầy, ruột kêu, đuổi nhau. Khí chuyển Bàng quang, vinh vệ đều lao. Dương khí không thông, mình lạnh. Âm khí không thông, xương nhức. Dương thông trước thời ghét lạnh, âm thông trước thời tê dại, âm dương tương đắc, khí bèn vận hành. Đại khí (Tổng khí trong hung) một khi đã chuyển, khí bèn tan. Thực thời đánh rắm, hư thời són đái, tên gọi là khí phần.

ĐIỀU 31

Khí phần, dưới Tâm rần, lớn như cái mâm, như cái chén úp, do thủy ẩm sinh ra. Quế chi khứ Thược dược, gia Ma, Tân, Phụ tử thang chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI KHỬ THƯỢC DƯỢC, MA HOÀNG, TẾ TÂN,
PHỤ TỬ THANG PHƯƠNG

Quế chi : 3 lạng Sanh cương : 3 lạng

Cam thảo : 2 lạng Đại táo : 12 quả

Ma hoàng : 2 lạng Tế tân : 2 lạng

Phụ tử (bào) : 1 củ

Dùng 7 thăng nước, trước đun Ma hoàng, gạt bỏ bọt, cho các thuốc vào, đun lấy 2 phân, chia 3 lần, uống nóng, hạn ra, như trùng bò trong da, lành.

ĐIỀU 32

Dưới Tâm rần, lớn như cái mâm, như cái chén, thủy ẩm gây ra. Chỉ, Truật thang chủ về bệnh ấy.

CHỈ TRUẬT THANG PHƯƠNG

Chỉ thực : 7 quả Bạch truật : 2 lạng

Dùng 5 thăng nước, đun lấy 3 thăng, uống nóng 3 lần, trong bụng chuyển là tan.

PHỤ PHƯƠNG

"Ngoại đài" PHÒNG KỶ, HOÀNG KỶ THANG : Trị Phong thủy, mạch Phù là bệnh ở biểu, người bệnh hoặc đầu ra mồ hôi, biểu không có bệnh gì khác, người bệnh chỉ hạ trọng, từ thất lưng trở lên hòa, từ thất lưng trở xuống sưng đến âm khí, khó co duỗi.

THIÊN THỨ MƯỜI LĂM

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH HOÀNG ĐẢN

ĐIỀU 1

Thốn khẩu mạch Phù mà hoãn, Phù thời là phong, hoãn thời là Tý, Tý không phải là Trúng phong, tứ chi khổ phiền, (tay chân bứt rứt khó chịu) Tỳ hãn sắc vàng, vì ứ nhiệt hành (ở biểu phần).

ĐIỀU 2

Phu dương mạch Khẩn mà Sác, Sác thời là nhiệt, nhiệt thời tiêu cốc (thường ăn, hay đói), Khẩn thời là hàn ăn vào sinh đầy. Mạch Xích Phù là thương Thận. Phu dương mạch Khẩn là thương Tỳ. Phong hàn chọi nhau, ăn cơm vào choáng váng, cốc khí không tiêu, trong Vỵ có thấp nhiệt, trọc khí chảy xuống, tiểu tiện không thông, Âm bị hàn, nhiệt chảy vào Bàng quang, mình mảy đều vàng, tên gọi là Cốc đản.

Trên trán đen, hơi có hãn, trong bàn tay, bàn chân, nóng, vừa tối phát nhiệt, Bàng quang cấp (trạng thái khó chịu), tên gọi là Nữ lao đản. Bụng giống như bệnh thủy - bất trị.

Trong Tâm bứt rứt mà nóng, không ăn được, tên gọi Tửu đản.

ĐIỀU 3

Dương minh bệnh, ăn khó no, no thời phát phiền, đầu choáng váng, tiểu tiện hãn khó, đó là muốn thành Cốc đản, tuy hạ đi, bụng vẫn đầy, sờ dĩ như vậy, vì là mạch Trì.

ĐIỀU 4

Bệnh Tửu Hoàng đản, hãn tiểu tiện không lợi, trong Tâm nóng, dưới chân nóng, là chứng của nó.

ĐIỀU 5

Người bị Tửu hoàng đản, hoặc không nóng, nói năng không loạn, thần trí yên tịnh, bụng đầy muốn thổ, mũi ráo, mạch Phù trước thổ đi, mạch Huyền, trước hạ đi.

ĐIỀU 6

Tửu đản, trong Tâm nóng, muốn thổ, cho thổ đi - lành.

ĐIỀU 7

Từu đản hạ đi, lâu rồi thành Hắc đản, mắt xanh, mặt đen, trong Tâm dáng như ăn tỏi (-giữa Vy có cảm giác nhiệt đốt, tức là chứng Tâm trung úc nùng), đại tiện sắc đen bì phu không có cảm giác, mạch Phù, Nhược tuy đen nhưng hơi vàng, cho nên biết.

ĐIỀU 8

Thầy nói : Bệnh Hoàng đản, phát nhiệt, phiền, suyễn, bụng đầy, miệng ráo vì lúc bệnh phát, dùng hỏa bức bách cho hãn ra, 2 nhiệt tương đắc (hỏa và nhiệt kết lại với nhau). Nhưng người mắc bệnh Hoàng đản do thấp mà sinh ra. Khấp mình phát nhiệt mà vàng, trong bụng nhiệt, nhiệt ở lý, nên hạ đi.

ĐIỀU 9

Mạch Trầm, khát muốn uống nước, tiểu tiện không lợi đều là phát hoàng.

ĐIỀU 10

Bụng đầy, lưỡi nuy hoàng (vàng không tươi), nóng nảy không ngủ được, thuộc người mắc bệnh Hoàng đản.

Ấn : Ngờ là Chữ “Thân nuy hoàng” không phải “lưỡi nuy hoàng”.

ĐIỀU 11

Bệnh Hoàng đản, kỳ hạn 18 ngày, trị 10 ngày trở lên bớt, ngược lại, nặng, khó trị.

ĐIỀU 12

Đản mà khát, Đản khó trị, Đản mà không khát, Đản có thể trị. Ứ ở âm bộ, người bệnh hãn ói, ứ ở dương bộ, người bệnh lạnh run mà phát nhiệt.

ĐIỀU 13

Cốc đản làm nên bệnh, nóng lạnh, không ăn, ăn tức đầu choáng váng, Tâm hung không yên, lâu lâu phát vàng là Cốc đản, Nhân trần cao thang chủ về bệnh ấy.

NHÂN TRẦN CAO THANG PHƯƠNG

Nhân trần cao : 6 lượng Chi tử : 14 quả

Đại hoàng : 2 lượng

Dùng 1 đấu nước, trước đun Nhân trần giảm 6 thăng cho 2 vị kia vào đun lấy 3 thăng, bỏ bã, phân 3, uống nóng, 3 lần. Tiểu tiện nên lợi, tiểu ra như nước Bồ kết, sắc đỏ tươi. Một đêm bụng giảm, Hoàng theo tiểu tiện ra.

ĐIỀU 14

Người bệnh Hoàng đản chấp tối phát nhiệt, mà lại ghét lạnh, đó là mắc bệnh Nữ lao, Bàn quang cấp, (bức xúc khó chịu), thiếu phúc đầy, khấp mình vàng, trên trán đen, dưới chân nóng, nhân đồ sinh Hắc đản, bụng trướng như thủy thũng, đại tiện hãn đen, thường nát, đó là bệnh Nữ lao, không phải bệnh thủy. Bụng đầy khó trị, Phàn thạch tán chủ về bệnh ấy.

TIÊU THẠCH, PHÀN THẠCH TÁN

Tiêu thạch - Phàn thạch (đốt) ngang nhau.

Làm bột, dùng nước cháo Đại mạch uống 1 muống, ngày 3 lần, bệnh theo đại tiện ra, tiểu tiện màu vàng, đại tiện đen là đúng.

ĐIỀU 15

Từu Hoàng đản, trong Tâm não nùng hoặc nóng, đau. Chi tử, Đại hoàng thang chủ về bệnh ấy.

CHI TỬ, ĐẠI HOÀNG THANG PHƯƠNG

Chi tử : 14 quả Đại hoàng : 1 lượng

Chỉ thực : 5 quả Đậu thị : 1 thăng

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 2 thăng, phân 3, uống nóng.

ĐIỀU 16

Các nhà mắc bệnh Hoàng đản, chỉ nên lợi tiểu tiện, nếu mạch Phù, nên cho hãn ra để giải, Quế chi, Hoàng kỳ thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 17

Các chứng Hoàng, Trư cao phát tiện chủ về bệnh ấy.

TRƯ CAO, PHÁT TIỆN PHƯƠNG

Trư cao : nửa cân Loạn phát (bằng trứng gà) : 3 nắm

Hòa trong cao đun đi, tóc tiêu, thuốc thành, phân làm 2 lần uống. Bệnh theo tiểu tiện ra.

ĐIỀU 18

Bệnh Hoàng đản, Nhân trần, Ngũ linh tán làm chủ.

NHÂN TRẦN, NGŨ LINH TÁN PHƯƠNG

Nhân trần cao (bột) : 10 phân Ngũ linh tán : 5 phân

2 vật hòa chung, trước khi ăn cơm, uống 1 muỗng, ngày 3 lần.

ĐIỀU 19

Hoàng đản, bụng đầy tiểu tiện không lợi mà đở, tự hạn ra, đó là biểu hòa, lý thực, nên dùng Đại hoàng, Tiêu thạch thang.

ĐẠI HOÀNG, TIÊU THẠCH THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 4 lạng Hoàng bá : 4 lạng

Tiêu thạch : 4 lạng Chi tử : 15 quả

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 2 thăng, bỏ bã, cho Tiêu thực thạch vào, lại đun lấy 1 thăng, uống hết 1 lần.

ĐIỀU 20

Bệnh Hoàng đản, tiểu tiện sắc không biến, muốn tự lợi, bụng đầy mà suyễn, không thể trừ nhiệt, nhiệt trừ hẳn ói. Ói, Tiêu bán hạ thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 21

Các chứng Hoàng, bụng đầy mà ói nên dùng Sài hồ thang (tức Tiêu sài hồ thang - xem chứng ói mửa).

ĐIỀU 22

Con trai bị Hoàng đản, tiểu tiện tự lợi, nên dùng Hư lao Tiểu kiến trung thang (xem ở hư lao.

PHỤ PHƯƠNG

QUA ĐỂ TÁN : Trị các chứng Hoàng (xem bệnh Yết).

“Thiên kim” **MA HOÀNG THUẦN TỬU THANG** : Trị Hoàng đản.

Ma hoàng : 3 lạng

Dùng rượu tốt 5 thăng, đun lấy 2 thăng rượu, uống hết 1 lần. Mùa đông dùng rượu, mùa xuân dùng nước đun.

THIÊN THỨ MƯỜI SÁU

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH KINH, QÚY, THỔ NỤC, HẠ HUYẾT, HUNG MÃN, Ứ HUYẾT.

ĐIỀU 1

Mạch Thốn khẩu Động mà Nhược, Động tức là Kinh, Nhược tức là Quý.

ĐIỀU 2

Thầy nói : Xích mạch Phù, con người vàng, Nục chưa dứt. Hết vàng, con người trong sáng, biết là Nục dứt.

ĐIỀU 3

Từ Xuân đến Hạ, Nục do Thái dương, từ Thu đến Đông, Nục do Dương minh.

ĐIỀU 4

Nục gia (người vốn có bệnh Nục) không thể phát hạn, hạn ra hẳn trán lõm xuống, mạch Khẩn Cấp, nhìn thẳng, không liếc được, không ngủ được.

ĐIỀU 5

Bệnh nhân mặt không có sắc máu, không nóng lạnh mạch Trầm, Huyền là Nục, Phù, Nhược, đờ tay vào tuyết, hạ huyết, phiền, ho, tất thổ Nục.

ĐIỀU 6

Thổ huyết, khái nghịch, khí lên, mạch Sác mà có nhiệt, không nằm được - Chết.

ĐIỀU 7

Tửu khách (người nghiện rượu) ho, tất sinh thổ huyết. Đó là do uống quá độ sinh ra.

ĐIỀU 8

Thốn khẩu mạch Huyền mà Đại, Huyền thời là giảm, Đại thời là Khổng (Khâu), giảm thời là hàn, Khâu thời là hư, hàn, hư chọi nhau, ấy tên gọi là cách, ở đàn bà thời bán sản, lậu hạ, ở đàn ông thời vong huyết.

ĐIỀU 9

Vong huyết không thể phát biểu. Hạn ra hẳn lạnh run.

ĐIỀU 10

Người bệnh hung đầy, môi héo, lưỡi xanh, chỉ muốn súc miệng, không muốn nuốt, không nóng lạnh, mạch Vi, Đại mà Trì, bụng không đầy, người bệnh nói ta đầy, là có ứ huyết.

ĐIỀU 11

Người bệnh như nhiệt, phiền đầy, miệng khô ráo mà khát, mạch trở lại không có hiện tượng nhiệt, đó là Âm phục, là ứ huyết vậy, nên hạ đi.

ĐIỀU 12

Hỏa tà ấy, Quế chi khứ Thược dược, gia Thục tất, Mẫu lệ, Long cốt, cứu nghịch thang chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI CỨU NGHỊCH THANG PHƯƠNG

Quế chi (bỏ vỏ) : 3 lượng Cam thảo : (nướng) : 2 lượng

Sanh cương : 3 lượng Mẫu lệ : 5 lượng

Long cốt : 4 lượng Đại táo : 12 quả

Thục tất (rửa bỏ tanh) : 3 lượng

Dùng 1 đấu 2 thăng nước, trước đun Thục tất, giảm 2 thăng, cho các thuốc vào, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 2 thăng.

ĐIỀU 13

Dưới Tâm quý ấy, Bán hạ, Ma hoàng hoàn chủ về bệnh ấy.

BÁN HẠ, MA HOÀNG HOÀN

Bán hạ - Ma hoàng : ngang nhau

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, uống nóng 3 hoàn. Ngày 3 lần.

ĐIỀU 14

Thở huyết không ngớt, Bá diệp thang chủ về bệnh ấy.

BÁ DIỆP THANG PHƯƠNG

Bá diệp : 3 lượng Càn cương : 3 lượng

Ngại diệp : 3 nắm

Dùng 5 thăng nước, 1 thăng Mã thông trấp, đun lấy 1 thăng, phân làm 2 lần, uống nóng.

ĐIỀU 15

Hạ huyết, trước phân sau huyết, đó là viễn huyết. Hoàng thổ thang chủ về bệnh ấy.

HOÀNG THỔ THANG PHƯƠNG

(Cũng chủ thổ huyết, Nục huyết)

Cam thảo : 3 lượng Càn địa hoàng : 3 lượng

Bạch truật : 3 lượng Phụ tử (bào) : 3 lượng

A giao : 3 lượng Hoàng cầm : 3 lượng

Hoàng thổ trong bếp : nửa cân

Dùng 8 thăng nước, đun lấy 3 thăng, phân 2 lần, uống nóng.

ĐIỀU 16

Hạ huyết, trước huyết sau phân, đó là cận huyết, Xích tiểu đậu, Đương quy tán chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 17

Tâm khí không đủ, thổ huyết, Nục huyết, Tả Tâm thang chủ về bệnh ấy.

TẢ TÂM THANG PHƯƠNG

(Cũng trị Hoắc loạn)

Đại hoàng : 2 lượng Hoàng liên : 2 lượng

Hoàng cầm : 1 lượng

Dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng, uống hết 1 lần

THIÊN THỨ MƯỜI BẢY

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH ẬU THỎ, UẾ, HẠ LỢI

ĐIỀU 1

Ấu gia (người vốn có chứng ới) có ung nùng, không thể trị ới, Nùng hết, tự lành.

ĐIỀU 2

Trước ới rồi khát, đó là muốn giải, vì dưới Tâm có chi ẩm. Đó là thuộc Âm gia. Ấu gia vốn khát, giờ trở lại không khát, vì dưới Tâm có chi ẩm. Đó là thuộc chi ẩm.

ĐIỀU 3

Hỏi : Người bệnh mạch Sác, Sác là nhiệt, nên tiêu cốc, đòi ăn, mà trở lại thổ là cơ sao ?

Thầy nói : Vì phát hàn, khiến cho dương vi, Cách khí hư, mạch bèn Sác. Sác là khách nhiệt, không hay tiêu cốc, vì trong Vy hư lãnh.

Mạch Huyền là hư vậy, Vy khí không dư, sáng ăn vào, chiều thổ, biến thành phản Vy. Hàn ở trên, y giả lại hạ đi, khiến cho mạch trở lại Huyền, cho nên gọi là hư.

ĐIỀU 4

Thốn khẩu mạch Vi mà Sác, Vi thời không có khí, không khí thời vinh hư, vinh hư thời huyết không đủ, huyết không đủ thời trong hung lạnh.

ĐIỀU 5

Phu dương mạch Phù mà Sáp, Phù thời là hư, Sáp thời thương Tỳ, Tỳ thương thời không nhồi bóp, sáng ăn, chiều thổ, chiều ăn, sáng thổ, đồ ăn cũ không hóa, tên gọi là Phản Vy. Mạch Khẩn mà Sác, bệnh khó trị.

ĐIỀU 6

Người bệnh muốn thổ, không thể hạ đi.

ĐIỀU 7

Nấc cục mà bụng đầy, xem đại, tiểu tiện, biết bộ phận nào không lợi, lợi đi hẳn lành.

ĐIỀU 8

Hạ mà hung đầy, Thù du thang chủ về bệnh ấy.

THÙ DU THANG PHƯƠNG

Ngô thù du : 1 thăng Nhân sâm : 3 lượng

Sanh cương : 6 lượng Đại táo : 12 quả

Dùng 5 thăng nước, đun lấy 3 thăng, uống nóng 7 hiệp, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 9

Ói khan, thổ ra bọt dãi, đầu đau, Thù du thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 10

Ựa mà ruột kêu, dưới Tâm buổi, Bán hạ tả Tâm thang chủ về bệnh ấy.

BÁN HẠ TẢ TÂM THANG PHƯƠNG

Bán hạ (rửa) : nửa thăng Hoàng cầm : 3 lượng

Càn cương : 3 lượng Nhân sâm : 3 lượng

Hoàng liên : 1 lượng Đại táo : 12 quả

Cam thảo (nướng) : 2 lượng

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 6 thăng, bỏ bã, lại đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 11

Ói khan mà lợi, Hoàng cầm gia Bán hạ, Sinh cương thang chủ về bệnh ấy.

HOÀNG CẦM GIA BÁN HẠ, SINH CƯƠNG THANG PHƯƠNG.

Hoàng cầm : 3 lượng Cam thảo (nướng) : 2 lượng

Thược dược : 2 lượng Bán hạ : nửa thăng

Sanh cương : 3 lượng Đại táo : 12 quả

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng, ngày 2 lần, đêm 1 lần.

ĐIỀU 12

Các thức ói mửa, thức ăn không xuống được, Tiểu bán hạ thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 13

Ấu thổ mà bệnh ở trên cách, ấu thổ rồi nghĩ đến nước, giải gao cho uống đi. Nghĩ đến nước, Trư linh thang chủ về bệnh ấy.

TRƯ LINH THANG PHƯƠNG

Trư linh - Phục linh - Bạch truật ngang nhau

Nghiền bột, uống 1 muống, ngày 3 lần.

ĐIỀU 14

Ấu mà mạch Nhược, tiểu tiện lại lợi, mình có hơi nhiệt, thấy Quyết, khó trị. Tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

TỨ NGHỊCH THANG PHƯƠNG

Phụ tử (sống) : 1 củ Càn cương : 1 lượng rưỡi

Cam thảo (nướng) : 2 lượng

Dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng 2 hiệp, bỏ bã, phân uống nóng 2 lần. Người mạnh có thể dùng Đại Phụ tử 1 củ, Càn cương 3 lượng.

ĐIỀU 15

Ói mà phát nhiệt, Tiểu sài hồ thang, chủ về bệnh ấy.

TIỂU SÀI HỒ THANG PHƯƠNG

Sài hồ : nửa cân Hoàng cầm : 3 lạng

Nhân sâm : 3 lạng Cam thảo : 3 lạng

Bán hạ : nửa cân Sanh cương : 3 lạng

Đại táo : 12 quả

Dùng 1 đấu 2 thăng nước, đun lấy 6 thăng, bỏ bã, lại đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 16

Phản Vỵ, Ấu thổ, Đại bán hạ thang chủ về bệnh ấy.

“Thiên kim” nói : Trị phản Vỵ, không nạp được đồ ăn, ăn vào thổ ngay.

“Ngoại đài” nói : Trị ói, dưới Tâm bĩ, rắn.

ĐẠI BÁN HẠ THANG PHƯƠNG

Bán hạ (rửa, y củ) : 2 thăng Nhân sâm : 3 lạng

Bạch truật : 1 thăng

3 vị trên dùng 1 đấu 2 thăng nước, hòa mật vào, đánh 240 lần, đun thuốc, lấy 2 thăng rưỡi, uống nóng 1 thăng, phần còn lại uống lần thứ 2.

ĐIỀU 17

Ăn rồi, thổ ngay, Đại hoàng, Cam thảo thang chủ về bệnh ấy. (“Ngoại đài” phương : lại trị thổ thủy).

ĐẠI HOÀNG CAM THẢO THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 4 lạng Cam thảo : 1 lạng

3 thăng nước, đun lấy 1 thăng, phân uống nóng 2 lần.

ĐIỀU 18

Phản Vỵ, thổ mà khay muốn uống nước, Phục linh, Trạch tả thang chủ về bệnh ấy.

“Ngoại đài” : Trị tiêu khát, mạch Tuyệt, Vỵ phản, có Tiểu mạch 2 thăng .

PHỤC LINH TRẠCH TẢ THANG PHƯƠNG

Phục linh : nửa cân Trạch tả : 4 lạng

Cam thảo : 2 lạng Quế chi : 2 lạng

Bạch truật : 3 lạng Sanh cương : 4 lạng

Dùng 1 đấu nước đun lấy 3 thăng, cho Trạch tả vào, đun lấy 2 thăng rưỡi, uống nóng 8 hiệp, ngày 3 lần.

ĐIỀU 19

Thổ rồi, khát muốn được nước, mà tham uống, Văn cáp thang chủ về bệnh ấy. Kiêm chủ vi phong, mạch Khẩn, đầu đau.

VĂN CÁP THANG PHƯƠNG

Văn cáp : 5 lạng Ma hoàng : 3 lạng

Cam thảo : 3 lạng Sanh cương : 3 lạng

Trạch cao : 5 lạng Hạnh nhân : 50 hạt

Đại táo : 12 quả

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 2 thăng, uống nóng 1 thăng, hạ ra, hãn lành.

ĐIỀU 20

Ói khan, thổ nghịch, thổ ra bọt dãi, Bán hạ, Càn cương tán chủ về bệnh ấy.

BÁN HẠ, CÀN CƯƠNG TÁN PHƯƠNG

Bán hạ - Càn cương ngang nhau.

Tán bột, lấy 1 muống, tương thủy 1 thăng rưỡi, đun lấy 7 hiệp, uống hết 1 lần.

ĐIỀU 21

Người bệnh trong bụng tựa như suyễn, không suyễn tựa như ói, không ói, tựa như nấc, không nấc, tự biết trong hung phiền muộn đến cực độ, có cảm giác không chịu nổi. Sanh cương, Bán hạ thang chủ về bệnh ấy.

SANH CƯƠNG, BÁN HẠ THANG PHƯƠNG

Bán hạ : nửa thăng Sanh cương trấp : 1 thăng

Dùng 3 thăng nước, đun Bán hạ lấy 2 thăng, cho Sanh cương trấp vào, đun lấy 1 thăng rưỡi, để hơi nguội, phân uống 4 lần, ngày 3, đêm 1. Dứt được thôi uống.

ĐIỀU 22

Ói khan, Nấc, nếu tay chân quyết, Quất bì thang chủ về bệnh ấy.

QUẤT BÌ THANG PHƯƠNG

Quất bì : 4 lạng Sanh cương : nửa cân
7 thăng nước đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng, khỏi họng, lành.

ĐIỀU 23

Ói nghịch, Quất bì, Trúc nhự thang chủ về bệnh ấy.

QUẤT BÌ, TRÚC NHỰ THANG PHƯƠNG

Quất bì : 2 cân Trúc nhự : 2 cân
Nhân sâm : 1 lạng Cam thảo : 5 lạng
Sanh cương : nửa cân Đại táo : 30 quả
Dùng 1 đấu nước, đun lấy 2 thăng, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 24

6 phủ, khí tuyết ở ngoài, tay chân lạnh, khí nghịch lên, ống chân rút lại. Năm tạng, khí tuyết bên trong, lợi không cầm, hạ quá, tay chân tê dại.

ĐIỀU 25

Hạ lợi, mạch Trầm, Huyền ấy, hạ trọng, mạch Đại ấy, chưa dứt, mạch Vi, Nhược, Sác ấy là muộn tự dứt, tuy phát nhiệt, không chết.

ĐIỀU 26

Hạ lợi, tay chân quyết lạnh, không mạch ấy, cứu đi không ấm. Nếu mạch không trở lại, ngược lại, không suyễn ấy, chết. Thiếu âm thua Phu dương là thuận.

ĐIỀU 27

Hạ lợi, có he nhiệt mà khát, mạch Nhược ấy, giữ tự lành.

ĐIỀU 28

Hạ lợi, mạch Sác, có hơi nhiệt, hãn ra, giờ tự lành. Nếu mạch Khẩn là chưa giải.

ĐIỀU 29

Hạ lợi, mạch Sác mà khát, giờ tự lành. Nếu không bớt, hãn tiện ra máu mủ, vì có nhiệt cho nên như vậy.

ĐIỀU 30

Hạ lợi, mạch trở lại Huyền, phát nhiệt, mình có hãn ấy, tự lành.

ĐIỀU 31

Hạ lợi lại thất khí, nên cho lợi tiểu tiện.

ĐIỀU 32

Hạ lợi, thốn mạch ngược lại Phù, Sác, trong bộ Xích mạch tự Sáp ấy, tắt tiện ra nòng huyết.

ĐIỀU 33

Hạ lợi thanh cốc không thể công biểu, hạn ra tắt trướng đầy.

ĐIỀU 34

Hạ lợi, mạch Trầm mà Trì, người bệnh mặt ít đỏ, mình có hơi nhiệt, hạ lợi thanh cốc, tắt uất mạo (trên đầu nặng như đội cái gì, trong hung hình như bức giọc), hạn ra mà giải, bệnh nhân hãn hơi quyết.. Sở dĩ như vậy là vì mặt đới dương, dưới hư cho nên vậy.

ĐIỀU 35

Hạ lợi rồi mạch tuyết, tay chân quyết lãnh, 1 ngày, 1 đêm mạch trở lại, tay chân ấm là sống, mạch không trở lại là chết.

ĐIỀU 36

Hạ lợi, bụng trướng đầy, mình mảy đau nhức, trước ôn lý, sau bèn công biểu. Ôn lý nên dùng Tứ nghịch thang, công biểu nên dùng Quế chi thang.

QUẾ CHI THANG PHƯƠNG

Quế chi (bỏ vỏ) : 3 lạng Thược dược : 3 lạng
Cam thảo : 2 lạng Sanh cương : 3 lạng
Đại táo : 12 quả

5 vị trên xé ra, dùng 7 thăng nước, đun lửa nhỏ lấy 3 thăng, bỏ bã, uống vừa ấm 1 thăng, uống rồi chập lát, ăn cháo loãng 1 thăng, đắp chăn 1 chập, khắp mình nhâm nhấp hơi tựa hãn, cùng tốt, không thể cho ra dầm dề như nước, nếu uống 1 lần, hạn ra, bệnh bớt, thời không uống phần còn lại.

ĐIỀU 37

Hạ lợi, 3 bộ mạch đều bình, đề tay vào, dưới Tâm rần, gấp hạ đi, dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 38

Hạ lợi, mạch Trì mà Hoạt là thực vậy, lợi chưa muốn dứt, gấp hạ đi, nên dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 39

Hạ lợi, ngược lại mạch Hoạt, nên khử, hạ đi bèn lành. Nên dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 40

Hạ lợi đã bớt, đến thời kỳ nào đó phát trở lại, vì bệnh chưa hết, nên hạ đi, nên dùng Đại thừa khí thang.

ĐIỀU 41

Hạ lợi, nói xàm, có phân táo vậy, Tiểu thừa khí thang chủ về bệnh ấy.

TIỂU THỪA KHÍ THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 4 lạng Hậu phác (nướng) : 3 lạng

Chỉ thực (thứ lớn, nướng) : 3 quả

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 4 thăng, 2 hiệp, bỏ bã, uống nóng 2 lần. Được lợi thời thôi.

ĐIỀU 42

Hạ lợi, tiện ra nồng huyết, Đào hoa thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 43

Nhiệt lý hạ trọng, Bạch đầu ông thang chủ về bệnh ấy.

BẠCH ĐẦU ÔNG THANG PHƯƠNG

Bạch đầu ông : 2 lạng Hoàng tiên : 3 lạng

Hoàng Bá : 3 lạng Tần bì : 3 lạng

Dùng 7 thăng nước, đun lấy 2 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng, không bớt, lại uống.

ĐIỀU 44

Hạ lợi rồi lại phiền, đè tay vào dưới Tâm mềm, là hư phiền vậy, Chi tử thị thang chủ về bệnh ấy.

CHI TỬ THỊ THANG PHƯƠNG

Chi tử : 14 quả Hương thị (bọc lụa) : 4 hiệp

Dùng 4 thăng nước, trước đun Chi tử, được 2 thăng rưỡi, cho Thị vào đun lấy thăng rưỡi, phân 3 lần uống nóng, thổ được thời dứt.

ĐIỀU 45

Hạ lợi thanh cốc, trong hàn, ngoài nhiệt, hạn ra mà Quyết. Thông mạch tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

THÔNG MẠCH TỨ NGHỊCH THANG PHƯƠNG

Phụ tử (Thứ lớn, để sống) : 1 củ Cam thảo (nướng) : 2 lạng

Càn cương : 3 lạng (người mạnh 4 lạng)

Dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng 2 hiệp, bỏ bã, chia 2 lần, uống nóng.

ĐIỀU 46

Hạ lợi, Phế đau, Tử sâm thang chủ về bệnh ấy.

TỬ SÂM THANG PHƯƠNG

Tử sâm : nửa cân Cam thảo : 3 lạng

Dùng 5 thăng nước, trước đun Tử sâm, lấy 2 thăng. Cho Cam thảo vào đun lấy 1 thăng rưỡi, phân 3, uống nóng.

ĐIỀU 47

Khi Vỵ (chỉ hạ lợi hoạt thoát, đại tiện theo thất khí (đánh rắm) mà ra), Kha Lê lặc tán chủ về bệnh ấy.

KHA LÊ LẶC TÁN PHƯƠNG

Kha lê lặc : 10 quả (lùi)

Nghiền bột, hòa nước cháo uống, uống 1 hơi.

PHỤ PHƯƠNG

“Thiên kim dục” Tiểu thừa khí thang : Trị đại tiện không thông, ói luôn, nói xàm.

“Ngoại đài” Hoàng cầm thang : Trị ói khan, hạ lợi.

Hoàng cầm : 2 lạng Nhân sâm : 2 lạng

Càn dương : 2 lạng Quế chi : 1 lạng

Đại táo : 12 quả Bán hạ : nửa thăng

Dùng 7 thăng nước, đun lấy 3 thăng, phân 3, uống nóng.

THIÊN THỨ MƯỜI TÁM

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH SANG UNG, TRƯỜNG UNG, TÂM DÂM

ĐIỀU 1

Các mạch Phù, Sác, nên phát nhiệt, ngược lại rờn rợn ghét lạnh, nếu có chỗ đau, nên phát Ung.

ĐIỀU 2

Thầy nói : Các loại ung thũng, muốn biết có mủ, không mủ, lấy tay đè chỗ sưng, nóng là có mủ, không nóng là không mủ.

ĐIỀU 3

Trường ung làm nên bệnh, mình mẩy tróc vẩy, da co rút, đè tay vào mềm, dáng như thũng, bụng không có tích tụ (không có khối), mình không nóng, mạch Sác đó là trong Trường có ung nông. Ý dĩ, Phụ tử, Bại tương tán chủ về bệnh ấy.

Ý DĨ, PHỤ TỬ, BẠI TƯƠNG TÁN PHONG

Ý dĩ nhân : 10 phân Phụ tử : 2 phân

Bại tương : 5 phân

Nghiền bột, lấy 1 muống bột, hòa 2 thăng nước, đun giảm nửa, uống 1 hơi, tiểu tiện nên xuống.

ĐIỀU 4

Trường ung, thiếu phúc thũng, bĩ, đè tay vào, đau như đau lậu, tiểu tiện tự điều hòa, thường thường phát nhiệt, tự hãn ra, lại ghét lạnh, mạch Trì, Khẩn, mủ chưa thành, có thể hạ đi, nên có huyết. Mạch Hồng, Sác, mủ đã thành, không thể hạ vẩy. Đại hoàng, Mẫu đơn thang chủ về bệnh ấy.

ĐẠI HOÀNG, MẪU ĐƠN THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 4 lạng Mẫu đơn : 1 lạng

Đào nhân : 50 hạt Qua tử : nửa thăng

Mang tiêu : 3 hiệp

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 1 thăng, bỏ bã, cho Mang tiêu vào, lại đun sôi, uống 1 hơi, có mủ, hạ mủ, không mủ, hạ huyết.

ĐIỀU 5

Thầy nói : Mạch Thốn khẩu Phù, Sác mà Sáp, phép nên vong huyết, nếu hạn ra. Giả sử không có hạn thì sao ?

Đáp rằng : Nếu mình có gẻ mụn, bị dao búa làm thương, vong huyết cho nên vẩy.

ĐIỀU 6

Bệnh Kim sang, Vương bất lưu hành tán chủ về bệnh ấy.

VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH TÁN PHƯƠNG

Vương bất lưu hành (hái vào ngày 8 tháng 8) : 10 phân

Sóc diệp tể diệp (hái vào ngày 7 tháng 7) : 10 phân

Tang đồng nam tang bạch bì (hái vào ngày 3 tháng 3) : 10 phân

Cam thảo : 18 phân Hoàng cầm : 2 phân

Càn cương : 2 phân Hậu phác : 2 phân

Thược dược : 2 phân

Xuyên tiêu (bỏ mắt và hạt nhọn, sao bỏ mồ hôi) : 3 phân

3 vị trên đốt tồn tính dùng cho chảy ra tro, đều để riêng giã, rây, hiệp lại làm tán cả 9 vị. Tiểu sang bôi lên, đại sang cho uống 1 muống. Sản hậu cũng có thể uống. Nếu phong hàn, không dùng tang đồng căn. 3 vật trước đều phơi trong râm 100 ngày.

BÀI NÔNG TÁN PHƯƠNG

Chỉ thực : 16 quả Thược dược : 6 phân

Cát cánh : 2 phân

Nghiền bột, lấy trứng đỏ một trứng gà, dùng bột thuốc ngang với lòng đỏ trứng, đánh nhuyễn, uống đi, ngày uống 1 lần

BÀI NÔNG THANG PHƯƠNG

Cam thảo : 2 lạng Cát cánh : 3 lạng

Sanh cương : 1 lạng Đại táo : 10 quả

Dùng 3 thăng nước, đun lấy 1 thăng, uống 5 hiệp, ngày uống 2 lần.

ĐIỀU 7

Tâm dâm sang, Hoàng liên phần chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 8

Tắm dâm sang, từ miệng chảy đến tứ chi, có thể trị, từ tứ chi chảy vào miệng, không thể trị.

THIÊN THỨ MƯỜI CHÍN

MẠCH, CHỨNG, PHÉP TRỊ CÁC BỆNH PHU QUYẾT, THỦ CHỈ TÚY THÙNG, CHUYỂN CÂN, ÂM HỒ SÁN, VƯU TRÙNG

ĐIỀU 1

Thầy nói : Bệnh Phu quyết, người bệnh chỉ đi tới, không đi lui được, thích vào bấp chân sâu 3 tấc đó là Thái dương kinh bị thương.

ĐIỀU 2

Người bệnh thường lấy ngón tay, cánh tay sưng động đậy, ấy là thân thể người bệnh động đậy. Lê lô, Cam thảo thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 3

Chuyển cân làm nên bệnh, cánh tay, cẳng chân thẳng đờ, mạch từ trên xuống, Vi, Huyền, Chuyển cân nhập vào bụng. Kê thi bạch tán chủ về bệnh ấy.

KÊ THỈ BẠCH TÁN PHƯƠNG

Kê thi bạch : nghiền bột, lấy 1 muống hòa với 6 hiệp nước, uống nóng.

“Trừu hậu phương”, “Ngoại đài bí yếu” đều ghi đun sôi 3 dạo, uống 1 hơi, đừng cho người bệnh biết.

ĐIỀU 4

Người mắc bệnh Âm hồ sán khí, có khi thiên về nhỏ, thiên về lớn, thường thường lên xuống. Tri thủ tán chủ về bệnh ấy.

TRI THỦ TÁN PHƯƠNG

Tri thủ (rang sém) : 14 con Quế chi : nửa lượng

2 vị làm bột, lấy 1 muống 8 phân, hòa nước uống ngày uống 2 lần. Luyện mật làm hoàn cũng được.

ĐIỀU 5

Hỏi : Bệnh bụng đau có trùng, mạch như thế nào để phân biệt ? - Thầy nói : Trong bụng đau, mạch nên Trầm, nếu Huyền, trở lại Hồng, Đại, cho nên biết là có vưu trùng.

ĐIỀU 6

Vưu trùng làm nên bệnh, khiến cho người bệnh thổ ra bọt dãi, tâm đau, phát ra có lúc, uống đũ thứ độc được không dứt, Cam thảo, Phấn mật thang chủ về bệnh ấy.

CAM THẢO, PHẤN MẬT THANG PHƯƠNG

Cam thảo : 2 lượng Phấn : 1 lượng

Mật : 4 lượng

Dùng 3 thăng nước, trước đun Cam thảo, lấy 2 thăng, bỏ bã, cho Phấn Mật vào, khuấy đều đun như cháo loãng, uống nóng 1 thăng, bớt liền, thôi uống.

ĐIỀU 7

Vưu quyết ấy, nên thổ vưu, khiến cho người bệnh đang yên lặng, trở lại phiền, đó là tạng hàn, Vưu lên, vào trong cách, cho nên phiền, chập lát lại dừng, được ăn mà ọ, lại phiền, Vưu nghe mùi đồ ăn ra, người bệnh nên tự thổ ra Vưu.

ĐIỀU 8

Vưu quyết ấy, ô mai hoàn chủ về bệnh ấy.

Ô MAI HOÀN PHƯƠNG

Ô mai : 300 cái Tế tân : 6 lượng

Phụ tử (bào) : 6 lượng Hoàng liên : 1 cân

Đương quy : 4 lượng Hoàng bá : 6 lượng

Quế chi : 6 lượng Nhân sâm : 6 lượng

Càn cương : 10 lượng Thục tiêu (sao bỏ mỡ hôi) : 4 lượng

Nghiền bột, rây kỹ, hiệp lại, dùng Khô tửu ngâm Ô mai 1 đêm, bỏ hạt, chưng đi, dưới 5 thăng gạo, cơm chín, đâm nát như bún, cho vào cối, cùng với mật, giã 2.000 chày, làm hoàn bằng hạt Ngô đồng, trước bữa ăn, uống 10 hoàn, ngày 3 lần, thêm lần đến 20 hoàn, cấm các món ăn sống lạnh, trơn nhẵn, có mùi.

THIÊN THỨ HAI MƯỜI

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ PHỤ NỮ CÓ THAI

ĐIỀU 1

Thầy nói : Đàn bà được mạch tượng bình hòa, Âm mạch (Xích) Tiểu, Nhược, người khát, không ăn được, không nóng lạnh, tên là Nhân thân (có thai). Quế chi chủ về bệnh ấy. Theo phép, 60 ngày nên có chứng này giả sử có ý giả nghịch trị, 1 thăng thêm thổ, hạ, thời tuyệt.

ĐIỀU 2

Đàn bà vốn có bệnh Trùng (Tích), kinh dứt chưa đến 3 tháng, mà gặp lậu hạ (huyết xuống liên miên không dứt) không dứt, thai động ở trên rốn, là Trùng cổ (là bệnh Trùng tích lâu ngày không chữa được) làm hại. Có thai, 6 tháng động, trước 3 tháng, lúc kinh thủy lợi, thai vậy. Hạ huyết ấy, sau khi dứt 3 tháng, sắc bầm đen, ứ huyết vậy. Sờ dĩ huyết không dứt, do Trùng không đi vậy, nên hạ Trùng, Quế chi, Phục linh hoàn chủ về bệnh ấy.

QUẾ CHI PHỤC LINH HOÀN PHƯƠNG

Quế chi - Phục linh - Mẫu đơn (bỏ tim) - Thược Dược - Đào nhân (bỏ vỏ, chóp, rang). Các vị ngang nhau.

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn, như phân thổ, trước mỗi bữa ăn, uống 1 hoàn, không dứt, thêm đến 3 hoàn.

ĐIỀU 3

Đàn bà có thai 6, 7 tháng, mạch Huyền, phát nhiệt, thai càng trướng, bụng đau, ghét lạnh, thiếu phúc liêm như bị gió thổi, sờ dĩ như vậy vì tử cung mờ, nên dùng Phụ tử thang ôn tạng.

ĐIỀU 4

Thầy nói : Đàn bà có chứng Lậu hạ, có hư thai rồi nhân đó tiếp tục hạ huyết đều không dứt, có thai hạ huyết, giả linh có thai trong bụng đau, là bào trở, Giao, Ngại thang chủ về bệnh ấy.

GIAO NGẠI THANG PHƯƠNG

(1 Phương gia Càn cương 1 lượng - Hồ thị trị đàn bà bào động, không có Càn cương)

Xuyên khung : 2 lượng A giao : 2 lượng

Cam thảo : 2 lượng Ngại diệp : 3 lượng

Đương quy : 3 lượng Thược dược : 4 lượng

Càn địa hoàng : 6 lượng

Dùng 5 thăng nước, thanh tửu 3 thăng, hiệp đun lấy 3 thăng, bỏ bã, cho A giao vào, khiến cho tiêu hết, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần. không bớt. Lại uống.

ĐIỀU 5

Đàn bà mang thai, trong bụng đau vắt, Đương quy, Thược dược tán chủ về bệnh ấy.

ĐƯƠNG QUY, THUỐC DƯỢC TÁN PHƯƠNG

Đương quy : 3 lượng Thược dược : 1 cân

Phục linh : 4 lượng Trạch tả : nửa cân

Bạch truật : 4 lượng Xuyên khung : nửa cân (có chỗ ghi là 3 lượng)

Nghiền bột, uống 1 muống với rượu - Ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 6

Có thai, ói mửa không ngớt, Càn cương, Nhân sâm, Bán hạ hoàn, chủ về bệnh ấy.

CÀN CƯƠNG, NHÂN SÂM, BÁN HẠ, HOÀN PHƯƠNG

Càn cương : 1 lượng Nhân sâm : 1 lượng

Bán hạ : 2 lượng

Nghiền bột, dùng Sanh cương trấp làm hồ luyện hoàn như hạt Ngô đồng, uống 10 hoàn, ngày uống 3 lần.

ĐIỀU 7

Có thai tiểu tiện khó, ăn uống như thường, Đương quy, Bối mẫu, 9khác sâm hoàn chủ về bệnh ấy.

ĐƯƠNG QUY, BỐI MẪU, KHỔ SÂM HOÀN PHƯƠNG

(Con trai, gia nửa lượng Hoạt thạch)

Đương quy, Bối mẫu, Khổ sâm : đều 4 lượng

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt Ngô đồng. Mỗi lần uống 3 hoàn. Thêm lần đến 10 hoàn.

ĐIỀU 8

Có thai, có thủy khí, mình nặng, tiểu tiện không lợi, gầy gầy ghét lạnh, dậy, đầu choáng váng, Qùy tử, Phục linh tán chủ về bệnh ấy.

QÙY TỬ, PHỤC LINH TÁN PHƯƠNG

Qùy tử : 1 thăng Phục linh : 3 lượng

Nghiền bột, uống 1 muống, ngày 3 lần, tiểu tiện lợi thời lạnh.

ĐIỀU 9

Đàn bà có thai, nên thường uống Dương quy tán.

ĐƯƠNG QUY TÁN PHƯƠNG

Đương quy : 1 cân Hoàng cầm : 1 cân

Thược dược : 1 cân Xuyên khung : 1 cân

Bạch truật : nửa cân

Nghiền bột, uống 1 muống với rượu, ngày uống 2 lần. Có thai thường uống dễ sanh, thai không tật bệnh. Làm chủ cả sản hậu 100 bệnh.

ĐIỀU 10

Nhâm thần dưỡng thai, Bạch truật tán làm chủ.

BẠCH TRUẬT TÁN PHƯƠNG

(Xem ở “Ngoại đài”).

Bạch truật : 4 phân Xuyên khung : 4 phân

Thục tiêu (bỏ mỡ hôi) : 3 phân Mẫu lệ : 2 phân

Nghiền bột, uống 1 muống với rượu, ngày 3 lần đêm 1 lần. Nếu đau, gia Thược dược. Dưới Tâm có độc làm đau, bội gia Xuyên khung. Tâm phiền, thổ, đau, không ăn uống được gia Tế tân 1 lượng, Bán hạ thứ lớn 20 củ, lại dùng thổ tương thủy uống thuốc. Nếu ói, dùng thổ tương thủy uống đi. Lại không giải, dùng nước Tiểu mạch uống đi. Bớt rồi, khát, dùng cháo Đại mạch uống đi. Bệnh khó lành, uống đi chớ cắt.

ĐIỀU 11

Đàn bà thai bị thương, mang thai bụng đầy, không tiểu tiện được, từ thất lượng trở xuống nặng nề, đáng như có thủy khí, mang thai 7 tháng, Thái âm đáng lẽ nuôi không nuôi, đó là Tâm khí thực, nên châm tả Lao cung và Quan nguyên, tiểu tiện hơi lợi thời lạnh.

THIÊN THỨ HAI MƯƠI MỐT

MẠCH, CHỨNG VÀ PHÉP TRỊ BỆNH ĐÀN BÀ SẢN HẬU

ĐIỀU 1

Hỏi : Đàn bà mới sinh có 3 bệnh, 1 là bệnh Cảnh, 2 là bệnh Uất mạo, 3 là đại tiện khó, sao vậy ?
Thầy nói : Mới đẻ, huyết hư, phần nhiều hạn ra, ứa trúng phong, cho nên khiến thành bệnh Cảnh. Vong huyết lại hãn ra, hàn nhiều, cho nên khiến Uất mạo. Vong tân dịch, Vỵ ráo, cho nên đại tiện khó.

ĐIỀU 2

Sản phụ uất mạo, mạch Vỵ, Nhược, ứa không ăn được đại tiện trở lại cứng, nhưng đầu hạn ra. Sở dĩ như thế, huyết hư mà quyết, quyết mà hãn mạo. Mạo gia muốn giải, hãn đại hạn ra. Vỵ huyết hư, quyết ở dưới, cô dương ra ở trên, cho nên đầu có hạn ra. Sở dĩ sản phụ hạn hay ra, vong âm, huyết hư, dương khí thiên thịnh, cho nên hạn ra, âm dương bèn phục hồi, đại tiện rần, ói không ăn được, Tiểu sai hồ thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 3

Bệnh giải, hay ăn 7, 8 ngày lại phát nhiệt, đó là Vỵ thực, Đại thừa khí thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 4

Sản hậu, trong bụng đau vất, Đương quy, Sanh cương, Dương nhục thang chủ về bệnh ấy.

Cùng trị trong bụng hàn sán, hư lao bất túc.

ĐƯƠNG QUY, SANH CƯƠNG, DƯƠNG NHỤC THANG PHƯƠNG

(Xem trong bài Hàn sán).

ĐIỀU 5

Sản hậu bụng đau, phiền đầy không nằm được. Chỉ thực, Thược dược tán chủ về bệnh ấy.

CHỈ THỰC, THUỘC DƯỢC TÁN PHƯƠNG

Chỉ thực (đốt đen, chớ thái quá), Thược dược, ngang nhau. Nghiền bột, uống 1 muống, ngày 3 lần, cùng chủ về Ung nùng, dùng cháo đại mạch hạ đi.

ĐIỀU 6

Thầy nói : Sản phụ bụng đau, phép nên cùng 13 Chỉ thực, Thược dược tán, nếu không lành, đó là trong bụng có huyết khô bám dưới rốn, nên dùng Hạ ứ huyết thang chủ về bệnh ấy. Cũng chủ về kinh thủy không lợi.

HẠ Ứ HUYẾT THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 3 lạng Đào nhân : 20 hạt

Manh trùng : 20 con (rang bỏ chân)

Nghiền bột, luyện mật làm 4 hoàn, dùng 1 thăng rượu, đun 1 hoàn, lấy 8 hiệp, uống hết 1 hơi, máu mới hạ như gan heo.

ĐIỀU 7

Sản hậu 7, 8 ngày, không có chứng Thái dương, thiếu phúc đầy, rắn, đau, đó là ác lộ chưa hết, không đại tiện, phiền táo, phát nhiệt, mạch Vi, Thực, lại bội phát nhiệt, lúc chập tối phiền táo, không ăn, ăn thời nói xàm, đến đêm liền bốt. Đại thừa khí thang chủ về bệnh ấy. Nhiệt ở lý, kết ở Bàng quang vậy. (Phiếm chỉ hạ tiêu).

ĐIỀU 8

Sản hậu trúng phong kéo dài vài mươi ngày không giải, đầu hơi đau, ghét lạnh, thường có nhiệt, dưới Tâm buồn bực, ói khan, tuy lâu, chứng Dương đán tiếp tục vẫn còn, có thể dùng Dương đán thang. (Tức Quế chi thang - Xem ở Hạ lợi)

ĐIỀU 9

Sản hậu trúng phong, phát nhiệt, mặt đỏ gay, Suyễn mà đầu đau. Trúc diệp thang chủ về bệnh ấy.

TRÚC DIỆP THANG PHƯƠNG

Trúc diệp : 1 nắm Cát căn : 3 lạng

Phòng phong : 1 lạng Cát cánh : 1 lạng

Quế chi : 1 lạng Nhân sâm : 1 lạng

Cam thảo : 1 lạng Phụ tử (bào) : 1 củ

Đại táo : 15 quả Sanh cương : 5 lạng

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 2 thăng rượu, phân làm 3, uống nóng, đắp cho ấm, khiến cho hãn ra.

Đầu, cổ cứng, dùng Đại phụ tử 1 củ, phá ra như hạt đậu đun thuốc, khuấy bỏ bột, ói, gia Bán hạ (rửa) nửa thăng.

ĐIỀU 10

Đàn bà, trong vú hư, phiền loạn, ói nghịch, an trung ích khí. Trúc bì, Đại hoàng chủ về bệnh ấy.

TRÚC BÌ ĐẠI HOÀNG PHƯƠNG

Sanh trúc nhự : 2 phân Thạch cao : 2 phân

Quế chi : 1 phân Cam thảo : 7 phân

Bạch vi : 1 phân

Nghiền bột, hòa táo nhục làm hoàn, lớn bằng viên đạn, dùng nước uống 1 hoàn, ngày 3 lần, đêm 2 lần. Có nhiệt, bội Bạch vi, phiền, suyễn gia Bá thực 1 phân.

ĐIỀU 11

Sản hậu hạ lợi, hư tốt độ. Bạch đầu ông, gia Cam thảo, A giao thang chủ về bệnh ấy.

BẠCH ĐẦU ÔNG, GIA CAM THẢO, A GIAO THANG PHƯƠNG

Bạch đầu ông : 2 lạng Cam thảo : 2 lạng

A giao : 2 lạng Tần bì : 3 lạng

Hoàng liên : 3 lạng Bá bì : 3 lạng

Dùng 7 thăng nước, đun lấy 2 thăng rượu, cho A giao vào cho tiêu hết, phân 3, uống nóng.

PHỤ PHƯƠNG

"Thiên kim" TAM VẬT HOÀNG CẦM THANG : Trị đàn bà lúc lâm bồn, gặp gió, tứ chi phiền nhiệt, đầu đau, dùng Tiểu sài hồ thang, đầu không đau, chỉ phiền, thang này chủ về bệnh ấy.

Hoàng cầm : 1 lạng Khổ sâm : 2 lạng

Càn địa hoàng : 4 lạng

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 2 thăng, uống nóng 1 thăng, thổ nhiều, hạ trùng.

“Thiên kim” NỘI BỘ ĐƯƠNG QUY KIẾN TRUNG THANG : Trị đàn bà sản hậu, gầy ốm bất túc, trong bụng như đâm, không dứt, thờ vào khí ít, hoặc trong thiếu phúc gấp gấp khó chịu, đau dẫn tới thất lưng, lưng, không ăn uống được. Sinh rồi 1 tháng, ngày uống được 4, 5 tễ là tốt, khiến người cường tráng là được.

Đương quy : 4 lạng Quế chi : 3 lạng

Thược dược : 6 lạng Sanh cương : 3 lạng

Cam thảo : 2 lạng Đại táo : 12 quả

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 3 thăng, chia 3 uống nóng, uống 1 ngày cho hết. Nếu cả hư, gia Di dưỡng 6 lạng, thang thành cho vào, cho tiêu hết trên lửa. Nếu khử huyết quá nhiều, băng, nục không dứt, gia Địa hoa hoàng 6 lạng, A giao 2 lạng, hiệp 8 vị, thang thành cho A giao vào. Nếu không có Đương quy dùng Xuyên khung thay thế. Nếu không có Sanh cương, dùng Càn cương thay.

THIÊN THỨ HAI MƯỜI HAI

MẠCH, CHỨNG, VÀ PHÉP TRỊ BỆNH CỦA ĐÀN BÀ

ĐIỀU 1

Đàn bà trúng phong, 7, 8 ngày tiếp tục nóng lạnh, phát lên có lúc, kinh thủy vừa dứt, đó là nhiệt vào huyết thấp, huyết hãn kết, cho nên khiến giống như Ngược, phát lên có lúc, Tiểu sài hồ thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 2

Đàn bà thương hàn phát nhiệt, kinh thủy vừa đến, ban ngày tỉnh táo, tối lại nói xàm, dáng như thấy quỷ, đó là nhiệt vào huyết thấp, trị đi, không phạm Vỵ khí cùng 2 tiêu trên, hãn tự lành.

ĐIỀU 3

Đàn bà trúng phong, phát nhiệt ghét lạnh, kinh thủy vừa đến mắc phải 7, 8 ngày, nhiệt trừ, mạch Trì, mình mát, điều hòa, hung hiệp đầy, dáng như kết hung, nói xàm, đó là nhiệt vào huyết thất vậy. Nên thích huyết Kỳ môn, tùy cái thực của nó mà lấy đi.

ĐIỀU 4

Bệnh ở Dương minh hạ huyết, nói xàm, đó là nhiệt vào Huyết thất, chỉ trên đầu hạn ra, nên thích Kỳ môn, theo cái thực của nó mà tả đi, hạn ra nhâm nhấp là lành.

ĐIỀU 5

Đàn bà, trong họng như có cục thịt nướng, Bán hạ, Hậu phác thang chủ về bệnh ấy.

BÁN HẠ, HẬU PHÁC THANG PHƯƠNG

Bán hạ : 1 thăng Hậu phác : 3 lạng

Phục linh : 4 lạng Sanh cương : 5 lạng

Càn tô diệp : 2 lạng

Dùng 7 thăng nước, đun lấy 4 thăng, chia làm 4 uống, ngày 3 lần, đêm 1 lần.

ĐIỀU 6

Đàn bà tạng táo, hay buồn thương, muốn khóc, giống như thần linh sai bảo, thường ngáp. Cam, Mạch, Đại táo thang chủ về bệnh ấy.

CAM, MẠCH, ĐẠI TÁO THANG PHƯƠNG

Cam thảo : 3 lạng Tiểu mạch : 1 thăng

Đại táo : 10 quả

Dùng 6 thăng nước, đun lấy 3 thăng, chia 3, uống nóng. Cũng bổ Tỳ khí.

ĐIỀU 7

Đàn bà thổ bọt dãi, y giả lại hạ đi, dưới Tâm sinh bĩ, nên trước trị thổ bọt dãi, Tiểu thanh long thang chủ về bệnh ấy. Bọt dãi dứt, bèn trị Bĩ, Tả tâm thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 8

Bệnh của đàn bà, nhân hư, chứa lạnh, kết khí, vì trải qua nhiều lần dứt kinh, có đến nhiều năm, huyết hàn tích kết, bào trung thương lạnh, kinh lạc ngưng rắn.

Trên thượng tiêu ói mửa nước dãi lâu thành Phế ung, hình thể hư tổn. Tại trung tiêu kết như cái mâm, hàn sản quanh rốn, hoặc 2 hiệp đau nhức, liền với tạng, hoặc kết thành nhiệt trung, đau ở Quang nguyên, mạch Vĩ, không có sang ung, da như vảy cá, thường ở con trai, chẳng riêng thân gái. Ở dưới chưa nhiều, kinh đến không đều, khiến cho âm rút, thiếu phúc ghét lạnh, hoặc dẫn đến thất lưng, xương sống, dưới gốc khí nhai, Khí xung đau gấp, đầu gối, ống chân, nhức nhối,

khó chịu, thốt nhiên phát sinh huyền, mạo dạng như hôn quyết, điên cuồng, hoặc có lo rầu buồn thâm, bi thương, phiền giận, đó đều là bệnh kinh, đới, không phải có quỷ thần. Lâu thời gây côm, mạch hư, nhiều hàn, 36 bệnh, nghìn biến muôn mối, xét mạch âm, dương, Hư, Thực, Khẩn, Huyền châm thích dùng thuốc, biến nguy thành yên. Mạch tuy cùng giống, đều khác căn nguyên, người nên phân biệt, chớ bảo bất nhiên (không phải như vậy).

ĐIỀU 9

Hỏi : Đàn bà tuổi 50, bệnh hạ lợi vài mươi ngày không dứt, đến chập tối phát nhiệt, thiếu phúc lý cấp, bụng đầy, bàn tay phiền nhiệt, môi miệng khô ráo, sao vậy ? Thầy nói : Đó là bệnh thuộc Đới hạ. Có làm sao ? Từng bị bán sản, ứ huyết ở thiếu phúc không đi. Sao biết được ? Chứng của nó môi miệng khô ráo, cho nên biết. Nên dùng Ôn kinh thang làm chủ.

ÔN KINH THANG PHƯƠNG

Ngô thù du : 3 lạng Dương quy : 2 lạng

Khung cung : 2 lạng Thược dược : 2 lạng

Nhân sâm : 2 lạng Quế chi : 2 lạng

A giao : 2 lạng Mẫu đơn bì (bỏ tim) : 2 lạng

Sanh cương : 2 lạng Bán hạ : nửa thăng

Cam thảo : 2 lạng Mạch môn đồng (bỏ tim) : 1 thăng

Dùng 1 đấu nước, đun lấy 3 thăng, chia 3, uống nóng. Cũng chủ về đàn bà thiếu phúc lạnh, lâu không thọ thai, băng huyết hoặc kinh thủy quá nhiều, và đến kỳ không đến.

ĐIỀU 10

Đới hạ, kinh thủy không lợi, thiếu phúc đầy, đau kinh 1 tháng thấy 2 lần. Thổ qua căn tán chủ về bệnh ấy.

THỔ QUA CĂN TÁN PHƯƠNG

(Cũng chủ về âm đòi sản)

Thổ qua căn - Thược dược - Quế chi - Manh trùng đều 3 lạng

Nghiền bột uống 1 muống với rượu.

ĐIỀU 11

Thốn khẩu mạch Huyền mà Đại, Huyền thời là Giám, Đại thời là Khổng (Khâu). Giám thời là hàn, Khâu thời là hư. Hư hàn chọi nhau, đó tên là Cách, đàn bà thời bán sản, lậu hạ, Toàn phúc hoa thang chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 12

Đàn bà hãm kinh, lậu hạ đen không giải. Giao cương thang chủ về bệnh ấy. (Các bản không có Giao, Cương thang, nghi là Giao, Ngại thang trong Nhân thần - thiên 20).

ĐIỀU 13

Đàn bà thiếu phúc đầy như cái mâm, tiểu tiện hơi khó mà không khát, sinh rồi, đó là thủy và huyết đều kết ở Huyết thất. Đại hoàng, Cam toại thang chủ về bệnh ấy.

ĐẠI HOÀNG, CAM TOẠI THANG PHƯƠNG

Đại hoàng : 4 lạng Cam toại : 2 lạng

A giao : 2 lạng

Dùng nước 2 thăng, đun lấy 1 thăng, uống 1 hơi Huyết, nên hạ.

ĐIỀU 14

Đàn bà kinh thủy không lợi, Đẻ đáng thang chủ về bệnh ấy.

ĐẸ ĐÁNG THANG PHƯƠNG

(Cũng trị con trai, Bàng quang đầy gấp có ứ huyết).

Thủy điệt (rang) : 30 con Đào nhân (bỏ vỏ, chóp) : 30 hạt

Đại hoàng (tẩm rượu) : 3 lạng

Manh trùng (rang, bỏ cánh, chân) : 30 con

Nghiền bột, dùng 5 thăng nước, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng.

ĐIỀU 15

Đàn bà kinh thủy bế, không lợi, trong Bào cung huyết kết không tan, trong có huyết khô, hạ xuống vật trắng, Phàn thạch hoàn chủ về bệnh ấy.

PHÀN THẠCH HOÀN PHƯƠNG

Phàn thạch : 3 phân (đốt) Hạnh nhân : 1 phân

Nghiền bột, luyện mật làm hoàn bằng trái táo, nạp vào Bào cung. Nặng, nạp 2 lần.

ĐIỀU 16

Đàn bà, 62 giống phong, và trong bụng huyết khí đau như kim đâm. Hồng lam hoa tửu chủ về bệnh ấy.

HỒNG LAM HOA TỬU THANG PHƯƠNG

Hồng lam hoa : 1 lượng

Rượu : 1 thăng lớn, đun giảm 1 nửa, dùng 1 nửa, uống hết 1 hơi, chưa dứt, lại uống.

ĐIỀU 17

Đàn bà, các tật đau trong bụng, Dương quy, Thược tán chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 18

Đàn bà trong bụng đau, Tiểu kiến trung thang làm chủ.

ĐIỀU 19

Hỏi : Đàn bà bệnh, ăn uống như thường, phiền nhiệt không nằm được, mà trở lại dựa để thở, sao vậy ?

Thầy nói : Đó tên là Chuyển bào (tức là Bàn quang), không tiểu tiện được, vì hệ của Bàn quang quán quanh không thuận, cho nên sinh bệnh này, chỉ lợi tiểu thời lạnh. Thận khí hoàn chủ về bệnh ấy.

ĐIỀU 20

Đàn bà âm lạnh, dùng thuốc ngòi cho ấm trong âm. Dùng Xà sàng tử tán chủ về bệnh ấy.

XÀ SÀNG TỬ TÁN PHƯƠNG

Xà sàng tử nhân

Nghiền bột, dùng ít Bạch phấn, hòa chung, trộn đều hoàn như trái táo, bọc vải nhét vào, tự nhiên ấm.

ĐIỀU 21

Thiếu âm mạch Hoạt mà Sác, trong âm sanh sang, trong âm lở lói, dùng Lang nha thang rửa đi.

LANG NHA THANG PHƯƠNG

Lang nha : 3 lượng

Dùng 4 thăng nước, đun lấy nửa thăng, dùng bông mới ràng rịt như trái kén, thấm nước, thuốc nhỏ vào trong âm, ngày 4 lần.

ĐIỀU 22

Vị khí tiết xuống, âm xuy (tiền âm ra hơi như hậu âm thất khí), có tiếng liên tục, đó là cốc khí thực vậy. Cao phát tiên dẫn đi.

TIỂU NHI CAM TRÙNG THỰC XỈ PHƯƠNG

Hùng hoàng - Đinh lịch - Nghiền bột, trộn với mỡ heo thàng chạp dùng cành hòe bọc đầu lại 4, 5 cái, chấm thuốc bôi vào.